


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



**Công ty Cổ phần Dược –
Trang thiết bị y tế Bình Định
(Bidiphar)**



 498 Nguyễn Thái Học – Phường Quang Trung – Tp. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

 Số điện thoại: (0256) 3846 500 – 3846 040 – 3847 798

 www.bidiphar.com

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar), tôi xin gửi đến tất cả quý vị lời chúc sức khỏe và lời chào thân ái nhất! Năm 2019 đã qua, đã có rất nhiều thay đổi trong năm, bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội toàn cầu đang tác động đến môi trường kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp và ngành hàng tiêu dùng, là một năm đầy thử thách với toàn bộ cán bộ, công nhân viên và Ban lãnh đạo Bidiphar. Dù vậy, lợi nhuận trước thuế của Bidiphar vẫn đạt 101,76% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra, đây là minh chứng cho sự nỗ lực, kiên trì, sáng tạo của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ, công nhân viên của Bidiphar.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển, cải tiến chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ hiện đại vào dây chuyền sản xuất luôn được nâng cao nhằm tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm; xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm; phát triển kênh bán hàng; đào tạo các trình dược viên bán hàng; sử dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp SAP-ERP; tiết giảm tối đa chi phí, áp dụng mô hình có các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh; hoàn thiện cơ chế kinh doanh; bám sát nhu cầu từng khu vực thị trường tới từng khách hàng; tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính; chú trọng thông tin kịp thời, công tác quản trị; cung cấp thông tin chính xác cho việc ra các quyết định quản lý,... là các giải pháp mà Bidiphar đã và đang triển khai thực hiện.

Năm 2020 đã khởi đầu, những biến động khó lường về kinh tế - chính trị - xã hội và đặc biệt là tình hình dịch bệnh COVID-19 chắc chắn sẽ có những tác động to lớn đến toàn bộ nền kinh tế cũng như Ngành dược phẩm nói chung và Bidiphar nói riêng. Hội đồng quản trị của Công ty đã nhận thức được tình hình này, sẽ luôn sát cánh, đồng hành cùng với Ban Tổng Giám đốc dẫn dắt Bidiphar tận dụng cơ hội, vượt qua những khó khăn, thách thức vững bước trên con đường phát triển, chinh phục mục tiêu mới đề ra năm 2020 với các nhiệm vụ chính:

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, đầu tư mới dây chuyền sản xuất thuốc điều trị (đặc biệt là thuốc điều trị ung thư) theo chuẩn GMP-WHO, GMP-EU.
- Đào tạo, hướng dẫn, cung cấp thông tin về sản phẩm, về Công ty tới các trình dược viên để xúc tiến thương mại, bán hàng hiệu quả tại các kênh phân phối của bệnh viện và kênh phân phối tại các nhà thuốc bán lẻ.
- Hoàn thiện mô hình quản trị, quy trình bán hàng bằng Công nghệ cho phù hợp với Công ty.
- Tiếp tục phát huy các thành tựu đã đạt được với khẩu hiệu “Chăm sóc sức khỏe – Chia sẻ niềm vui” hướng tới cộng đồng.

Với chiến lược kinh doanh rõ ràng, được tổ chức triển khai và hỗ trợ bởi các kế hoạch hành động cụ thể, thực thi bởi đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên tài năng, nhiệt huyết, giàu ý chí, quyết tâm cao, cởi mở và hợp tác xuất sắc, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Bidiphar chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức và đạt được những mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, tiếp tục củng cố và nâng cao thương hiệu Bidiphar trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực, cống hiến trong năm 2019 vừa qua và xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng, sự hợp tác và đồng hành của đối tác, Quý cổ đông. Tôi xin cam kết sẽ nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững của Bidiphar trong tương lai, đảm bảo lợi ích cho cổ đông, người lao động, khách hàng, đối tác và các bên liên quan khác.

Kính chúc tất cả Quý vị Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công!

Nguyễn Văn Quá
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tháng 04 năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

PHẦN III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN IV BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN V BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHẦN VI QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Thông tin chung BIDIPHAR



Tổng quan về Bidiphar

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản trị

Các nhân tố rủi ro





Năng lực sản xuất dược phẩm

Bidiphar tự hào là Công ty Hàng đầu Việt Nam cho nhiều dây chuyền sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế: GMP-WHO



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Tên viết tắt: BIDIPHAR

Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số: 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01/09/2010, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/03/2020

Vốn điều lệ: 523.790.000.000 đồng

Trụ sở chính: 498 Nguyễn Thái Học – Phường Quang Trung – Tp. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

Số điện thoại: (0256) 3846 500 – 3846 040 – 3847 798

Email: info@bidiphar.com

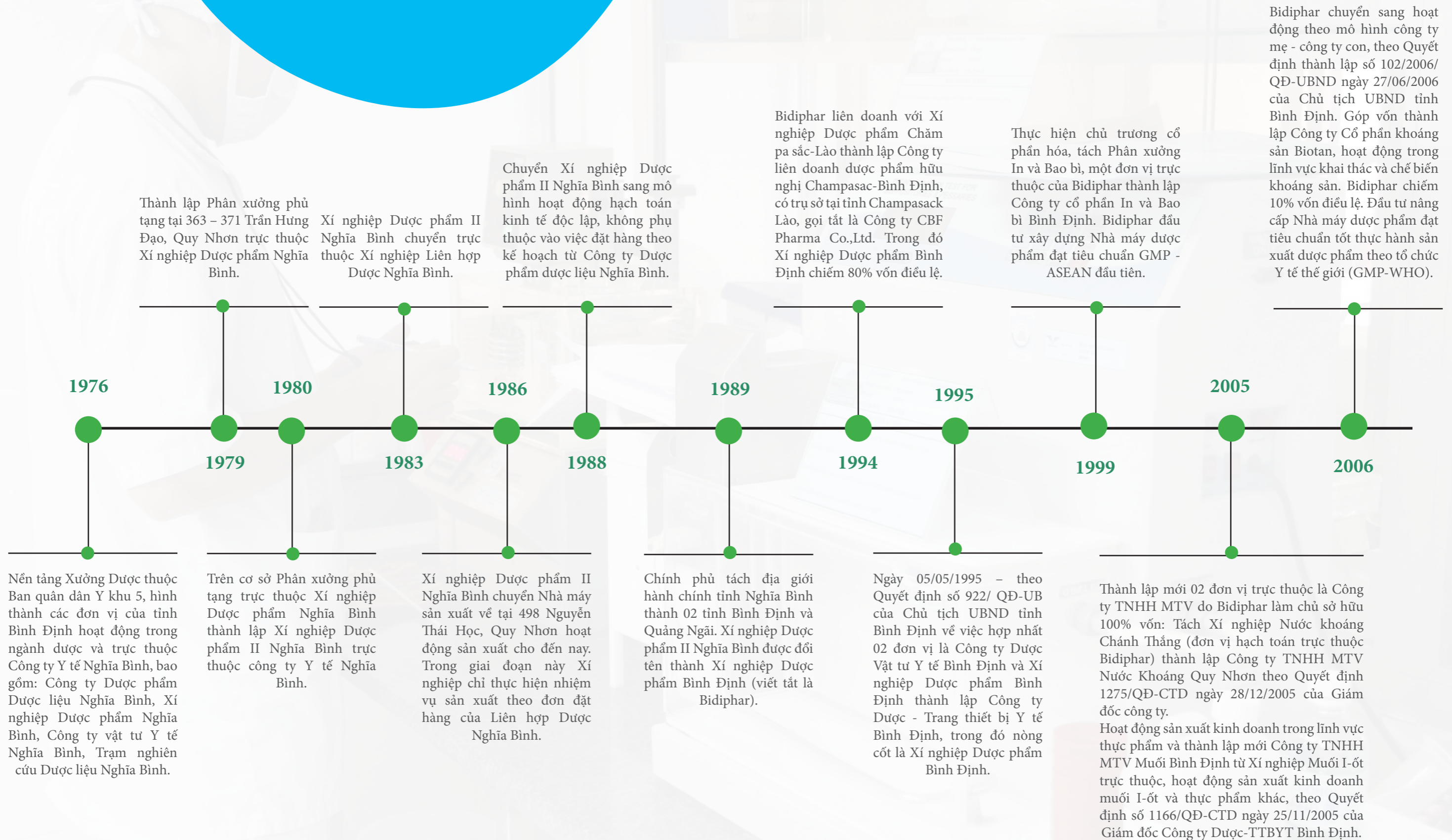
Website: www.bidiphar.com

Mã cổ phiếu: DBD

Sàn: HOSE

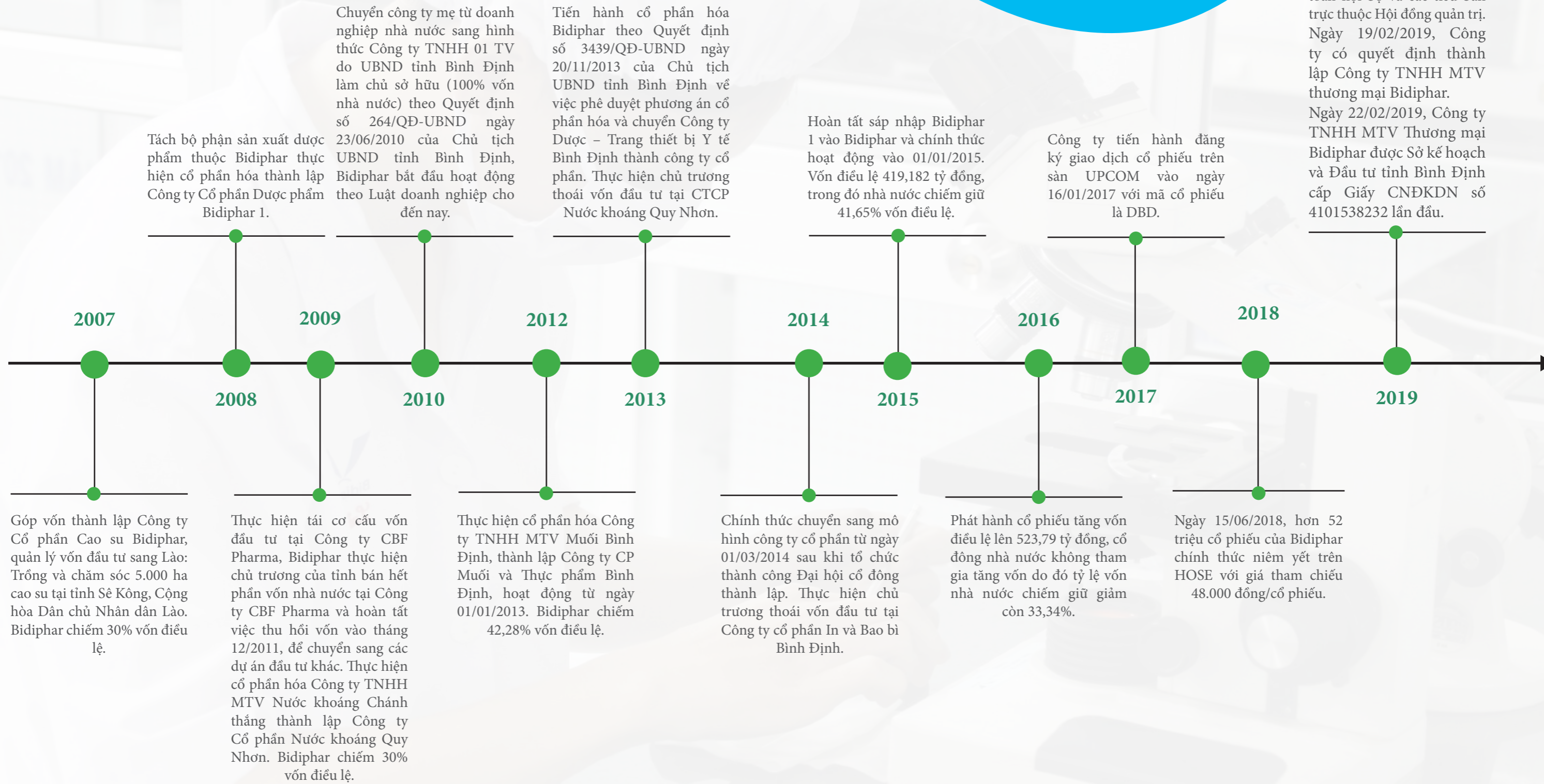


Quá trình hình thành và phát triển



Quá trình hình thành và phát triển

Thay đổi mô hình quản trị Ban kiểm soát thành mô hình quản trị có Ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Ngày 19/02/2019, Công ty có quyết định thành lập Công ty TNHH MTV thương mại Bidiphar. Ngày 22/02/2019, Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy CNĐKDN số 4101538232 lần đầu.



Những dấu mốc quan trọng trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất dược phẩm



- Năm 1992: Nghiên cứu và sản xuất thuốc Tiêm kháng sinh Gentamicin;
- Năm 1997: Nghiên cứu và sản xuất Dung dịch Tiêm truyền kháng sinh và Axit amin. Đổi mới trong quản lý chất lượng sản phẩm kết hợp một cách có hiệu quả ISO 9001 và GPs;
- Năm 2003: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm đông khô;
- Năm 2010: Nghiên cứu thành công và sản xuất thuốc điều trị ung thư;
- Năm 2015: Triển khai thành công hệ thống ứng dụng Quản trị tổng thể nguồn lực SAP-ERP cho việc điều hành và quản lý công ty;

Các giải thưởng đạt được gần đây của Bidiphar

Năm 2019 Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tiếp tục được bình chọn là doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao. Trải qua 16 năm tham gia, Bidiphar tự hào đã và đang là một trong những doanh nghiệp Dược Việt Nam được người tiêu dùng tin tưởng bình chọn.

Đạt 03 giải thưởng cho Công ty và 1 giải thưởng sản phẩm, giúp thương hiệu công ty được khẳng định và quảng bá rộng rãi trên các kênh truyền thông:

- Top 10 Công ty Dược Việt Nam 2019, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, do tổ chức Vietnam Report và báo Vietnamnet thực hiện đánh giá;
- Top 500 doanh nghiệp nộp thuế cao nhất;
- Doanh nghiệp phát triển bền vững do Phòng thương mại Việt Nam VCCI bình chọn;
- Sản phẩm Vàng vì sức khỏe cộng đồng cho sản phẩm Hebamic do Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam trao tặng.

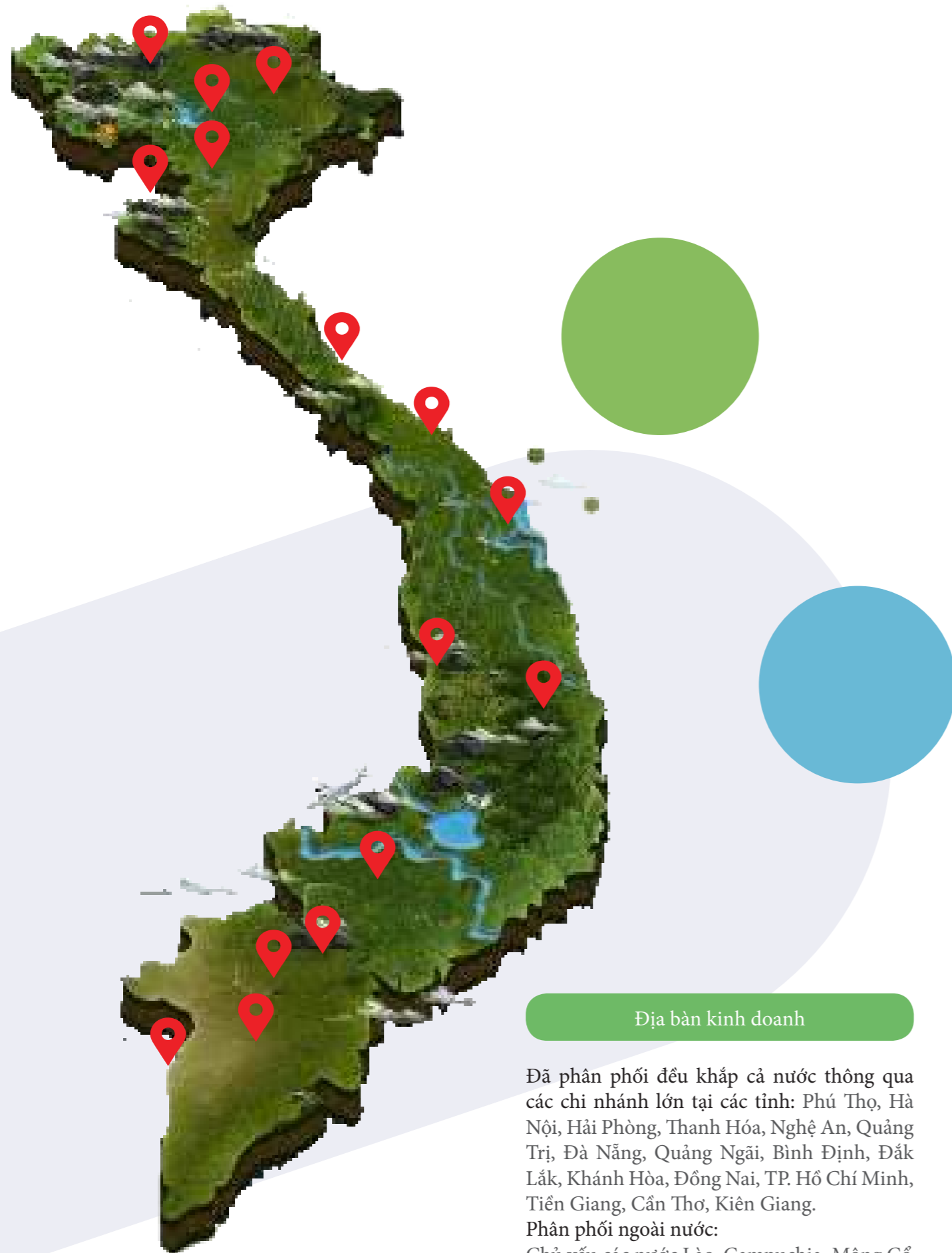
Năm 2019 Đảng bộ Công ty được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Công đoàn được xếp loại “vững mạnh xuất sắc”. Đoàn thanh niên được xếp loại “vững mạnh xuất sắc”.

Những thành tích đạt được của Bidiphar trong thời gian gần đây

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định năm 2016, 2017;
- Bằng khen Bộ Y tế đã có thành tích xuất sắc trong việc triển khai, thực hiện đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” giai đoạn 2014-2016;
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Bình Định năm 2016;
- Cờ thi đua Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2016;
- Cờ thi đua Chính phủ năm 2016, 2017;
- Giải thưởng chất lượng quốc gia Việt Nam năm 2017;
- Được công nhận doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu năm của Bộ Khoa học Công nghệ về áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp 2018;
- Doanh nghiệp tiêu biểu giai đoạn 2017 – 2019 tỉnh Bình Định;
- Huân chương độc lập hạng Nhì năm 2019;
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Bình Định năm 2019;
- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong 10 năm thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2019;
- Bằng khen UBND tỉnh Bình Định đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung năm 2019.



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh



Địa bàn kinh doanh

Đã phân phối đều khắp cả nước thông qua các chi nhánh lớn tại các tỉnh: Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Cần Thơ, Kiên Giang.

Phân phối ngoài nước:

Chủ yếu các nước Lào, Campuchia, Mông Cổ

Ngành nghề kinh doanh

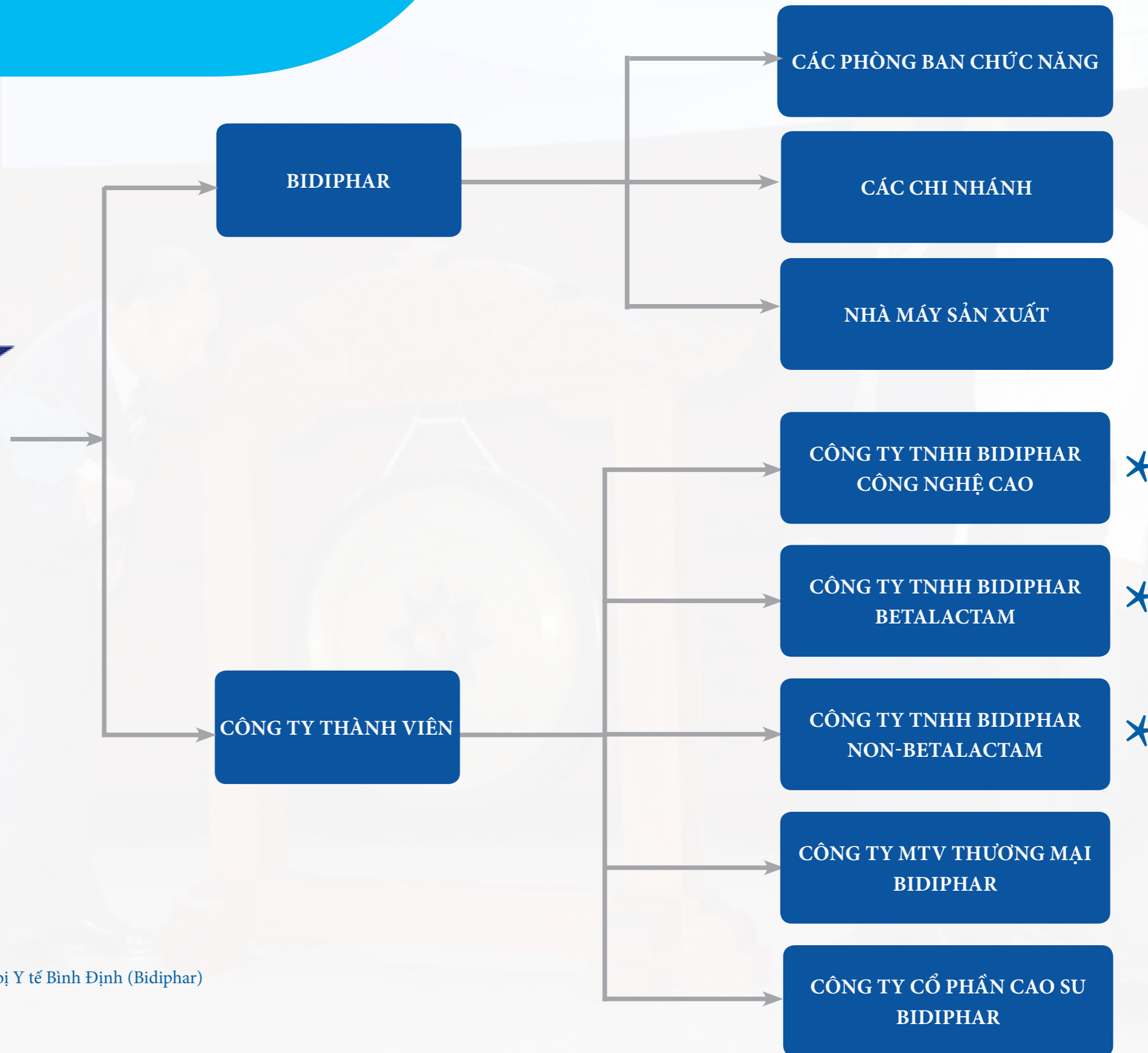
Hoạt động chính của công ty: Sản xuất mua bán thuốc nguyên liệu làm thuốc, hóa dược và dược liệu dược phẩm, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

Ngành nghề kinh doanh Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

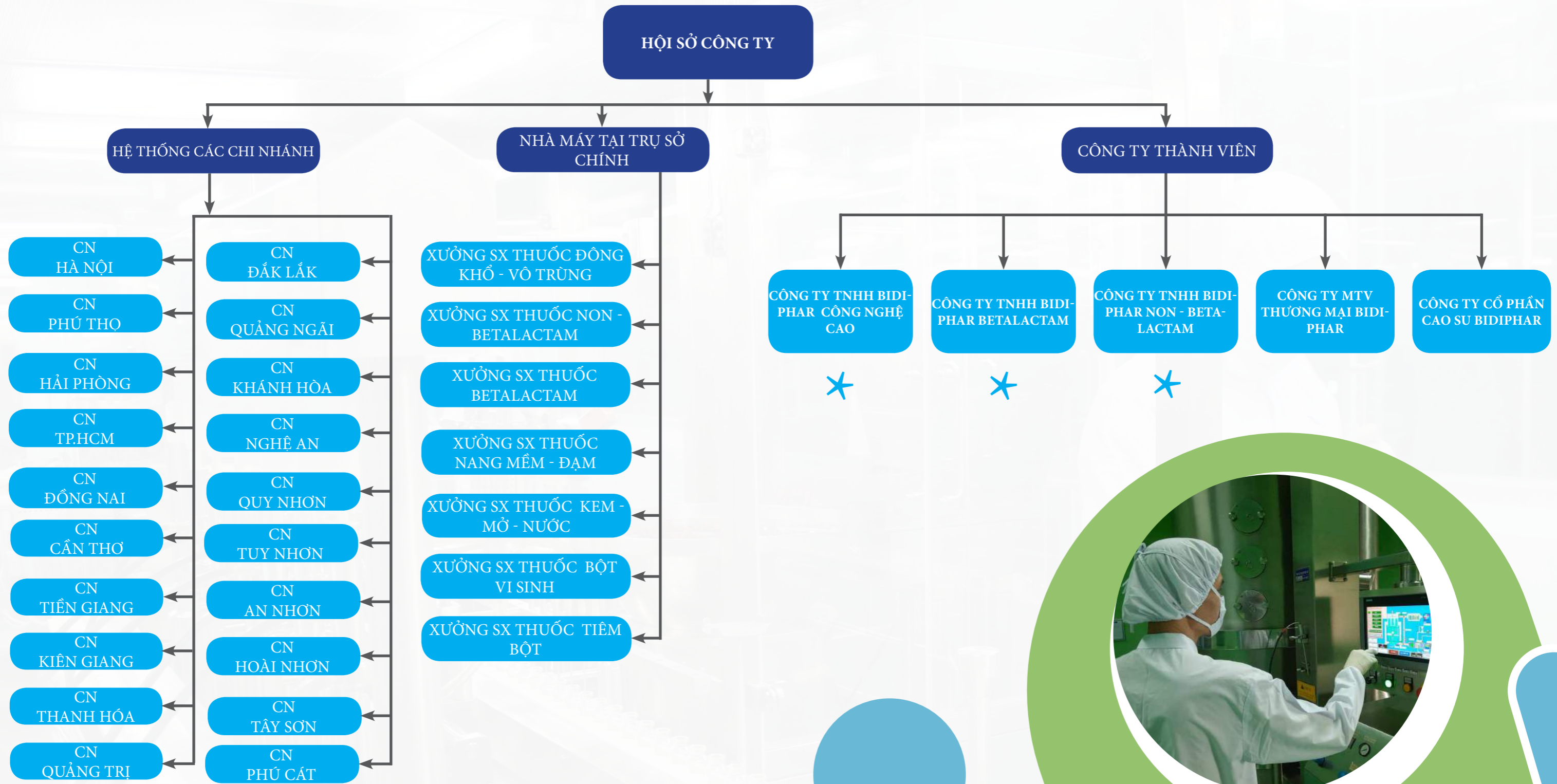
- Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao sản phẩm mới trong lĩnh vực dược phẩm;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt;
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế;
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng;
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát;
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton;
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất rượu vang.
- Chưng, tinh cất các loại rượu mạnh;
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn, xuất nhập khẩu vật tư Y tế, trang thiết bị, dụng cụ Y tế ngành Y – dược và các ngành khoa học kỹ thuật khác; bán buôn trang thiết bị, dụng cụ sử dụng cho các phòng thí nghiệm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng;
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành Y - dược; mỹ phẩm; thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe;
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng;
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế;
- Xuất khẩu dược liệu, dược phẩm theo qui định của Bộ Y tế; nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm; Kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng mỹ phẩm;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Gia công điện, điện lạnh;
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm;
- Lưu kho và dịch vụ kho, bãi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Trồng cây dược liệu; cây cao su;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình tổng quan



* Ngày 12/03/2020 đã sát nhập vào Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)

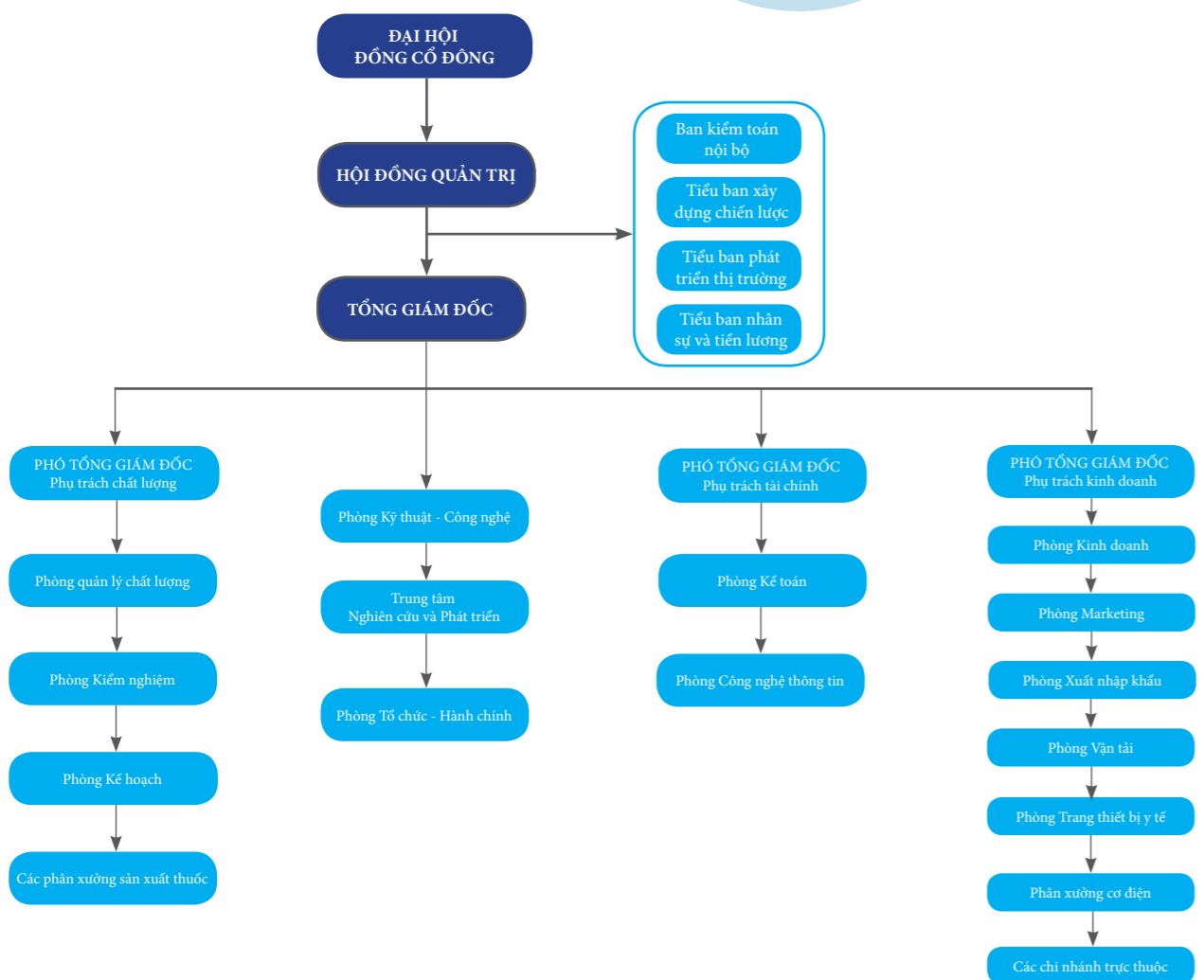


Mô hình quản trị



Công ty phát triển theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm: Công ty mẹ và các công ty con. Hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật liên quan:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 04 tiểu ban trực thuộc HĐQT có trách nhiệm đảm bảo hoạt động hệ thống và giám sát nội bộ Công ty.
- **Tiểu ban kiểm toán nội bộ:** Trực thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm toán nội bộ hoạt động của Công ty theo yêu cầu của HĐQT.
- **Tiểu ban nhân sự và tiền lương:** Trực thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ bao gồm: Tư vấn, đề xuất HĐQT về quy chế trả lương, thưởng; tư vấn đề xuất HĐQT về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.
- **Tiểu ban xây dựng chiến lược phát triển:** Trực thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ bao gồm: Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu; tăng năng suất lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; nâng cao tiêu chuẩn nhà máy; cải tiến sản phẩm; nghiên cứu sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, hàm lượng khoa học kỹ thuật cao; tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp; quản trị tài chính và chuỗi cung ứng.
- **Tiểu ban phát triển thị trường:** Trực thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ bao gồm: Tư vấn cho Lãnh đạo xây dựng các chính sách phát triển thị trường trong và ngoài tỉnh; đề xuất các phương án phát triển thị trường theo đặc thù riêng từng địa bàn phù hợp với mục tiêu Công ty ở từng thời điểm
- **Tổng Giám đốc (TGD):** Là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.
- **Các phòng ban:** Hỗ trợ cho Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.



Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Bidiphar	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	Bình Định	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	100%	100%
Công ty TNHH Bidiphar non – Betalactam	Bình Định	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	100%	100%
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Bình Định	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.	100%	100%
Công ty TNHH MTV thương mại Bidiphar	Bình Định	Bán buôn thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế	100%	100%
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Bình Định	Khai thác, chế biến mủ cao su.	33,58%	33,58%

Định hướng phát triển



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và gia tăng lợi ích cho các bên hữu quan.
- Trở thành nhà sản xuất dược phẩm chất lượng cao theo tiêu chuẩn WHO-GMP; Lấy sức khỏe cộng đồng làm trung tâm của mọi hoạt động, cung cấp các giải pháp điều trị hiệu quả cao với giá cả hợp lý thay thế thuốc nhập khẩu; Đồng thời nâng cao giá trị cộng thêm cho khách hàng và đối tác.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn WHO-GMP, khai thác hiệu quả các nhà máy hiện có. Không ngừng phát triển sản phẩm mới theo diễn biến bệnh tại Việt Nam.
- Doanh nghiệp dược có kênh phân phối chuyên nghiệp, sâu, rộng và đa dạng nhất. Đặc biệt là phân phối dòng thuốc kháng sinh và điều trị ung thư.
- Giữ vững thương hiệu Bidiphar là thương hiệu hàng đầu ngành công nghiệp dược trong nước với các sản phẩm chất lượng, an toàn và hiệu quả trong điều trị.
- Trở thành Công ty dược phẩm tại Việt Nam uy tín và được tin cậy nhất.

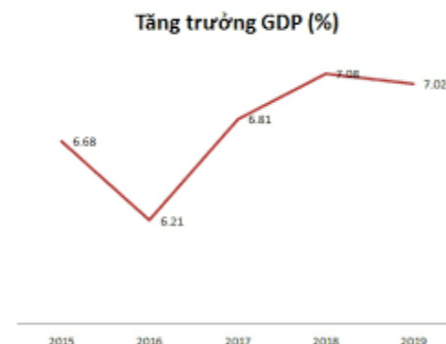


Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thực hiện tái cấu trúc hệ thống bán hàng nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, góp phần tiết giảm chi phí, củng cố năng lực cạnh tranh tại thị trường nội địa.
- Đẩy mạnh khai thác các dây chuyền đạt tiêu chuẩn WHO-GMP và nâng cao, mở rộng thêm các nhà máy đã đạt tiêu chuẩn.
- Đầu tư, nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc của Châu Âu (GMP-EU) nhằm mở rộng thị trường và có lợi thế tham gia đấu thầu tại các cơ sở bệnh viện, y tế.



Các nhân tố rủi ro



Rủi ro kinh tế

Theo báo cáo của World Bank, triển vọng kinh tế Việt Nam trong trung hạn có nhiều điểm sáng, dù vẫn có dấu hiệu điều chỉnh giảm tăng trưởng theo chu kỳ. Tăng trưởng GDP thực được dự báo vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao, xoay quanh mức 6,5% trong các năm 2020 và 2021. Tỷ lệ lạm phát vẫn tiếp tục ổn định ở mức một con số trong vòng bảy năm liên tiếp, thấp hơn hoặc tiệm cận mức 4% trong những năm gần đây. Cán cân đối ngoại vẫn trong vòng kiểm soát và tiếp tục được hỗ trợ bằng nguồn vốn FDI dồi dào lên tới gần 18 tỷ USD trong năm 2019, chiếm gần 24% tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế. Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế thì nhu cầu bảo vệ sức khỏe, chăm sóc sức khỏe của người Việt Nam đã được chú trọng và quan tâm nhiều hơn, tạo điều kiện thuận lợi đến việc phát triển của Ngành dược phẩm.

Theo IMS Health, tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng chi tiêu cho tiền thuốc giai đoạn 2017-2021 của Việt Nam sẽ đạt 15-17% nhờ vào dân số tăng trưởng nhanh cùng với thu nhập bình quân đầu người cải thiện, dẫn tới sự quan tâm chăm sóc sức khỏe ngày càng cao. Việt Nam bắt đầu bước qua giai đoạn già hóa dân số từ năm 2017, trong khi các nghiên cứu cho thấy, số năm bệnh tật và số loại bệnh trung bình mắc phải của người già đang gia tăng nhanh chóng.

Sự phát triển của công nghiệp đang tạo biến đổi xấu tới khí hậu và môi trường. Vấn đề về môi trường tác động đến sức khỏe của con người. Do đó, phát triển Y học tại Việt Nam là điều cấp thiết và quan trọng đối với xã hội.

Cho dù vậy, khi nền kinh tế suy thoái thì mức chi tiêu của người dân sẽ giảm kéo theo sự sụt giảm của ngành nhưng mức giảm sẽ thấp hơn mức giảm của nền kinh tế. Vì ngành Dược phẩm là nhóm ngành thiết yếu. Do đó, Công ty luôn theo dõi những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước để có những điều chỉnh phù hợp nhất với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá

Với nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu được nhập khẩu tại thị trường Mỹ và Châu Âu thì tỷ giá cũng là vấn đề được đặt ra của Bidiphar. Biến động về tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VND/USD, sẽ là nguyên nhân làm cho giá vốn hàng bán biến động gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, giải pháp cho loại rủi ro này là Công ty thường xuyên cập nhật, dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ thông qua mối quan hệ với các Ngân hàng. Thực hiện hợp đồng L/C để Ngân hàng đảm bảo thanh toán phòng ngừa rủi ro khan hiếm ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Trong 9 tháng đầu năm, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các quy định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm phần trăm và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9.

Cùng với đó, đầu năm 2020, với diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng đến việc hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, NHNN đã cắt giảm lãi suất để kích thích hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Mặc dù vậy, trước những diễn biến khó lường đó, Bidiphar cùng Ban xây dựng chiến lược thường xuyên theo dõi, đánh giá về tình hình lãi suất để cơ cấu nguồn vốn hợp lý với hoạt động của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Ngành dược phẩm là một trong những ngành có rào cản gia nhập ngành khá cao. Tuy nhiên, thị trường ngành dược phẩm trong nước vẫn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp nội địa cũng như các tổ chức nước ngoài đầu tư vào ngành tại kênh phân phối thuốc trong bệnh viện và kênh bán lẻ.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI) sẽ có lợi thế về vốn, được đầu tư nhập khẩu dây chuyền sản xuất dược phẩm công nghệ cao sẽ có sức cạnh tranh mạnh mẽ với các doanh nghiệp sản xuất thuốc tại Việt Nam, cụ thể là Bidiphar. Do đó, Công ty có đổi mới công nghệ sản xuất dược phẩm, phát triển nghiên cứu sản phẩm thuốc mới có hiệu quả và tính đột phá hơn.

Hơn thế nữa, Việt Nam đã có những hoàn thiện về cam kết thương mại tự do làm cho rào cản thuế quan và những hạn chế liên quan tới việc nhập khẩu nguyên vật liệu thuốc được gỡ bỏ dẫn đến cạnh tranh ngày càng cao.

Rủi ro đặc thù ngành

- Rủi ro về hàng giả, hàng nhái

Thực phẩm chức năng và thuốc chữa bệnh có tầm quan trọng với sức khỏe con người. Để hồi phục và phát triển thể chất do các loại bệnh, dược phẩm luôn là sản phẩm được quan tâm hàng đầu về chữa trị. Trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp Dược phẩm là đặt ra các thương hiệu và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thuốc của mình là việc phải làm đối với các doanh nghiệp ngành Y tế và Bidiphar. Cho dù vậy, theo Tổng cục Sở hữu Trí tuệ mỗi năm vẫn có hơn 3000 trường hợp vi phạm về nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh về dược phẩm. Giải pháp với những trường hợp này, Bidiphar luôn xem xét và giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất cũng như phân phối thuốc đến từng đại lý để có thể kiểm soát tối đa với hàng giả, hàng nhái xuất hiện trên thị trường

Rủi ro pháp luật

Ngành dược phẩm ngoài việc bị quản lý bởi Bộ Y tế, luật Y tế thì khi đăng kí kinh doanh sau đó niêm yết trên sàn chứng khoán thì phải chịu những quy định của pháp luật về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động... Những tác động của Luật, Bộ luật cũng ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cuối năm 2018, Bộ Y tế ban hành một số văn bản hướng dẫn thực hiện luật dược năm 2019 đặc biệt là các thông tư thực hiện: Thực hành tốt GPs trong sản xuất phân phối dược phẩm theo thông tư 35/2018/TT-BYT, đăng ký thuốc theo thông tư 32/2018/TT-BYT, thông tư 15/2019/TT-BYT về đấu thầu thuốc. Các văn bản thông tư này đòi hỏi Bidiphar cần phải tuân thủ và thực hiện tốt các để có thể có các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật được ban hành. Vì vậy Bidiphar luôn có bộ phận theo dõi, kế hoạch, quản lý... để thay đổi, thích nghi phù hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

Rủi ro khác

Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty cũng bị tác động bởi những rủi ro bất khả kháng như: Lũ lụt, hạn hán, động đất, cháy nổ... đòi hỏi Bidiphar luôn chủ động phòng ngừa, có biện pháp xử lý kịp thời khi có vấn đề xảy ra. Để giảm thiểu rủi ro này, Bidiphar nên mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho Công ty, cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư.





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2019, Bộ Y tế ban hành một số văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Dược, mới nhất là các thông tư quy định về: Thực hành tốt GPs trong sản xuất phân phối dược phẩm, đăng ký và đấu thầu thuốc.
- Các chính sách mới ban hành đã tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển sản phẩm, định vị thị trường và theo hướng ủng hộ sản xuất trong nước. Tuy vậy, chúng cũng tạo ra nhiều khó khăn cho Bidiphar và các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Cụ thể:
- Yêu cầu về quản lý cấp phép và kiểm soát thay đổi rất chặt chẽ, hầu như mọi sự thay đổi dù nhỏ trong quá trình sản xuất đều phải báo cáo Cục quản lý dược (QLD). Tuy nhiên, thực tế nguồn lực của cơ quan quản lý không đáp ứng nên hàng trăm hồ sơ của các Công ty cùng ngành bị tồn đọng tại Cục QLD.
- Yêu cầu về chất lượng của Bộ Y tế hiện nay là đồng bộ với các nước trong khu vực đã phát triển hơn Việt Nam, nhưng cơ chế đấu thầu thuốc vào bệnh viện theo thông tư mới vẫn là đấu giá giữa các thuốc trong cùng một nhóm. Điều kiện hậu kiểm còn hạn chế, điều này đặt ra vấn đề cạnh tranh chưa lành mạnh trên thị trường.
- Các gói thầu có xu hướng kéo dài 2 năm, sự cạnh tranh dẫn đến giá trúng thầu rất thấp trong khi giá nguyên vật liệu lại có xu hướng tăng mỗi năm, vì thế rủi ro trong đấu thầu cũng rất cao.
- Thông tư đấu thầu mới cho phép các dây chuyền sản xuất thuốc đạt GMP-EU hoặc tương đương được xếp riêng nhóm với giá cao hơn các nhóm khác. Tuy nhiên, Bidiphar không có được lợi thế này do chưa có dây chuyền đạt GMP-EU.

- Thuốc được công bố đạt tương đương sinh học được xếp nhóm riêng và khuyến khích các đơn vị sử dụng. Tuy nhiên, việc thẩm định hồ sơ để công bố tương đương sinh học tại Cục QLD đang rất chậm, Bidiphar và cả Hiệp hội các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (SXKD) Dược đều có ý kiến nhiều lần, nhưng tình trạng không cải thiện. Hiện nay, có những hồ sơ đã nộp 5 năm vẫn chưa được công bố mặc dù đã làm việc với Cục QLD và phải nộp lại hồ sơ nhiều lần do thất lạc.
- Thị trường kênh nhà thuốc ngày càng thu hẹp, cạnh tranh ngày càng khốc liệt do các quy định về BHYT toàn dân, quy chế kê đơn và bán thuốc theo đơn, nối mạng hệ thống nhà thuốc và những khó khăn trong đấu thầu.

Năm 2019, doanh thu của các công ty dược phẩm đều suy giảm từ 2 - 4%. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các công ty chuyên sản xuất các dòng thuốc giá rẻ khiến thị phần ngày càng phân mảnh, làn sóng M&A sôi động trong ngành dược phẩm cũng làm tăng thêm yếu tố cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

Trước những khó khăn như trên, với truyền thống là đơn vị đoàn kết gắn bó. Năm 2019, HĐQT, BTGD Bidiphar cùng với tập thể cán bộ, công nhân viên đã nỗ lực đưa ra các giải pháp tháo gỡ và quyết tâm hoàn thành các kế hoạch đề ra. Với sự giúp đỡ của UBND tỉnh Bình Định và sự quan tâm giúp đỡ của các sở, ban, ngành, Công ty Bidiphar đã đạt được những kết quả khả quan trong năm 2019.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH2019/ KH2019	TH2019/ TH2018
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.474	1.350	1.321	97,85%	89,62%
2	Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Nghìn USD	925	1.000	1.047	104,70%	113,19%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	201	170	173	101,76%	86,07%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	15	15	100,00%	100,00%

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Bidiphar chủ yếu từ bán dược phẩm và các thiết bị vật tư y tế. Trong đó dược phẩm là sản phẩm kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất trong các năm qua, hơn 90% trong tổng doanh thu. Bidiphar thực hiện phân phối dược phẩm ở cả hai kênh phân phối là ETC (kênh đấu thầu phân phối tại bệnh viện) và OTC (kênh bán lẻ tại các nhà thuốc).

Tổng doanh thu bán hàng trong năm 2019 đạt 97,85% kế hoạch đề ra do phải cạnh tranh về giá với các dòng sản phẩm tại kênh ETC dẫn tới Công ty buộc phải giảm giá đấu thầu để cạnh tranh và tăng tỷ lệ trúng thầu. Dòng sản phẩm thuốc tại kênh OTC thì đang chịu ràng buộc bởi các chính sách pháp lý thắt chặt việc bán thuốc kháng sinh tại các nhà thuốc. Mặc dù vậy, với việc quản lý hiệu quả nguồn lực, Bidiphar vẫn đạt 101,76% lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 13% so với cuối năm 2018.

Bảng cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dược phẩm	Tỷ đồng	1.271	86,23%	1.188	89,93%
Thiết bị - vật tư y tế	Tỷ đồng	189	12,82%	114	8,63%
Khác	Tỷ đồng	14	0,95%	19	1,44%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.474	100,00%	1.321	100,00%

Trong cơ cấu doanh thu của Bidiphar, mảng dược phẩm chiếm gần 90% doanh thu bán hàng, trong đó chủ lực là mảng thuốc kháng sinh và thuốc điều trị ung thư. Hoạt động kinh doanh thiết bị - vật tư y tế chiếm khoảng xấp xỉ 9% doanh thu bao gồm sản xuất và kinh doanh loại máy giặt và sấy công nghiệp, tủ vi khí hậu, bếp sắc thuốc, lò đốt rác thải y tế, hệ thống cung cấp khí sạch,...

Tổng chi phí mua hàng năm 2019 giảm so với giá bình quân năm 2018 do bộ phận mua hàng đã triển khai các giải pháp giảm chi phí mua hàng như:

- Thương thảo mua hàng số lượng lớn theo kế hoạch năm và lấy hàng từng đợt để vừa được giá tốt và ổn định nguồn nguyên liệu, vừa hạn chế tồn kho;
- Đánh giá, lựa chọn lại nhà cung cấp, tìm kiếm bổ sung nguồn đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phục vụ đăng ký thuốc với giá cả hợp lý;
- Bám sát thị trường cung ứng nguyên vật liệu, chớp thời cơ thị trường giảm giá một số nguyên vật liệu để mua hàng với giá tốt hơn.

Kết quả là biên lợi nhuận gộp năm 2019 tăng lên 32,88% từ mức 30,55% năm 2018, tăng tương ứng 2,33 điểm phần trăm. Trong đó, mảng sản xuất và kinh doanh dược phẩm đóng góp chính vào cơ cấu lợi nhuận gộp, chiếm tỷ trọng 96,39% lợi nhuận gộp 2019, với biên lợi nhuận gộp cao nhất. Mảng kinh doanh thiết bị - vật tư y tế và các dịch vụ khác như bán nguyên liệu, bao bì, ... chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Bidiphar và biên lợi nhuận gộp tương đối thấp do Công ty chủ yếu mua và bán lại mà không trực tiếp sản xuất.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 20/04/2019
2	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc	
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 20/04/2019
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng	

Bà Phạm Thị Thanh Hương - Tổng Giám đốc

Năm sinh	10/07/1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Dược
Quá trình công tác	
1989 - 2001	Công tác tại Xí nghiệp Dược Bình Định
2001 - 2007	Phó Giám đốc Sở Y tế Bình Định
2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
2010 - 02/2014	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế (TTBYT) tỉnh Bình Định
03/2014 - 04/2019	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược - Trang thiết bị y tế tỉnh Bình Định
20/04/2019 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	339.353 cổ phiếu tương ứng 0,65% vốn điều lệ

Ông Huỳnh Ngọc Oanh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	11/04/1963
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ
Quá trình công tác	
04/1988 - 12/1991	Công tác tại Công ty Dược Tuy Phước, Bình Định
01/1992 - 1996	Công tác tại Trạm đại diện Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định tại TP. Hồ Chí Minh
01/1997 - 09/2010	Giám đốc chi nhánh Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định tại TP. Hồ Chí Minh
10/2010 - 09/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định tại TP. Hồ Chí Minh
10/2011 - 02/2014	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	493.908 cổ phiếu tương ứng 0,84% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	05/12/1967
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
10/1990 - 05/1995	Kế toán viên - Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
06/1995 - 01/2000	Phó phòng Kế toán - Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định
01/2000 - 03/2009	Kế toán trưởng - Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định
04/2009 - 02/2014	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Dược - TTBYT tỉnh Bình Định
12/2012 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	363.364 cổ phiếu chiếm 0,69% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	12/08/1969
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ chuyên khoa I
Quá trình công tác:	
08/1991 – 03/1993	Nhân viên kế hoạch mua hàng - Công ty Dược huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
04/1993 – 05/1995	Nhân viên kế hoạch - Hiệu thuốc Tuy Phước thuộc Công ty Dược phẩm - dược liệu Bình Định
06/1995 – 05/2000	Nhân viên bán hàng - Hiệu thuốc Tuy Phước thuộc Công ty Dược phẩm - dược liệu Bình Định
05/2000 – 09/2002	Trưởng hiệu thuốc Tuy Phước - Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
09/2002 – 06/2006	Học lớp dược sĩ đại học tại trường Đại học y khoa Huế
07/2006 – 08/2009	Trưởng chi nhánh Tuy Phước - Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
08/2009 – 10/2015	Phó phòng Kinh doanh Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
10/2015 – 10/2019	Trưởng phòng Marketing Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
10/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	92.071 cổ phiếu chiếm 0,18% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Kế toán trưởng

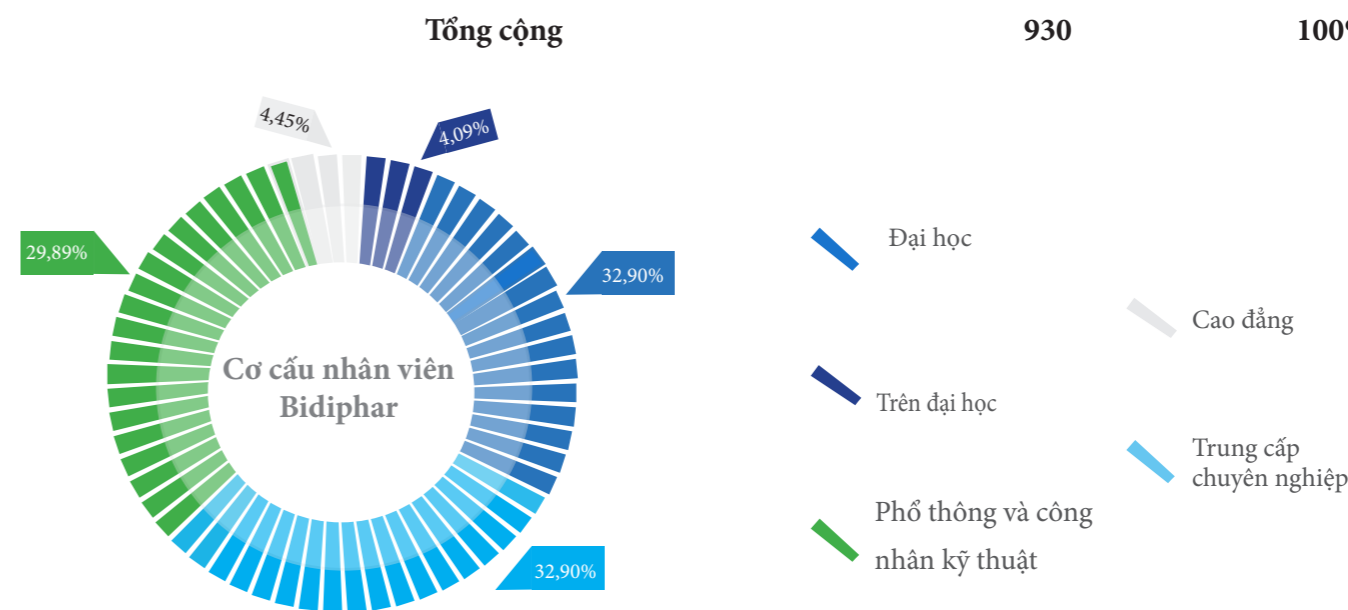
Năm sinh	19/07/1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
08/1987 – 12/1989	Kế toán tại Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
01/1990 – 05/1995	Kế toán tại Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định
06/1995 – 09/2006	Kế toán tại Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
10/2006 – 04/2008	Phó phòng Kế toán tại Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
05/2008 – 08/2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
09/2009 – 02/2014	Thành viên HĐQT Công ty Dược – TTBYT tỉnh Bình Định
03/2014 - 20/04/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
09/2009 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	291.076 cổ phần tương ứng 0,56% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Ban Điều hành

Stt	Quyết định	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
1	782/QĐ-HĐQT-DBD	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
2	1354/QĐ-HĐQT-DBD	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/09/2019

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
1	Trên đại học	38	4,09%
2	Đại học	306	32,90%
3	Cao đẳng	46	4,95%
4	Trung cấp chuyên nghiệp	262	28,17%
5	Phổ thông và công nhân kỹ thuật	278	29,89%
Tổng cộng		930	100%



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	1172	1190	930
Thu nhập bình quân (đồng/tháng/người)	8.500.000	8.500.000	8.500.000

Tổng giá trị đầu tư đã ký hợp đồng là 339,2 tỷ đồng; đã giải ngân năm 2019 là 225,6 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục:

STT	Đầu tư máy móc, dự án	Đơn vị tính	Giá trị
I	Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư.	Tỷ đồng	141,10
II	Đầu tư máy móc thiết bị tại các phân xưởng sản xuất	Tỷ đồng	51,00
III	Bổ sung thiết bị cho Trung tâm nghiên cứu	Tỷ đồng	6,80
IV	Đầu tư cho hệ thống phân phối	Tỷ đồng	8,20
V	Đầu tư cho khu vực sản xuất	Tỷ đồng	18,50

Tiếp tục thực hiện 2 dự án cấp Nhà Nước:

- Dự án “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư” (2014-2019).
- Dự án “Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg và Felodipin 5mg giải phóng kéo dài” (2018-2020).

Cập nhật tiến độ nhà máy sản xuất Bidiphar Công nghệ cao:



Giai đoạn 1: Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm điều trị ung thư đã hoàn tất xây dựng và lắp đặt thiết bị, hệ thống pha chế chạy thử nghiệm trong tháng 01/2020, công tác thẩm định bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2020, và dự kiến hoàn thành đánh giá GMP-WHO vào tháng 06/2020;



Giai đoạn 2: Dây chuyền sản xuất thuốc viên điều trị ung thư đáp ứng tiêu chuẩn GMP-WHO và GMP-EU đã hoàn thành thiết kế, xây dựng nhà xưởng, bắt đầu lắp đặt thiết bị vào tháng 03/2020.



Tình hình tài chính

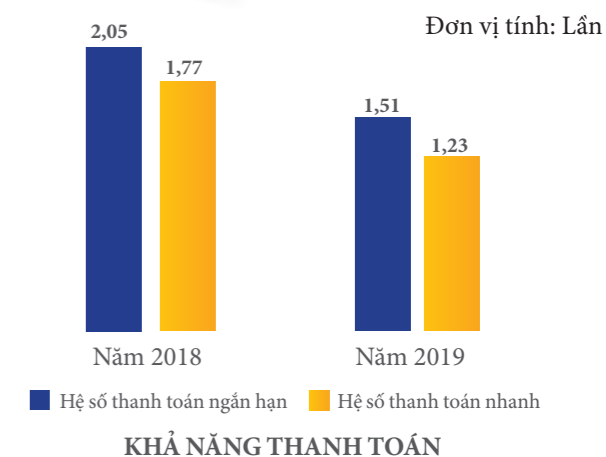
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,05	1,77
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,51	1,23
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/tổng tài sản	%	37,90	42,46
-	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	61,04	73,78
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,48	2,91
-	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,94	0,83
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	11,63	11,27
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	18,91	15,60
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,95	9,31
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,35	13,78

01

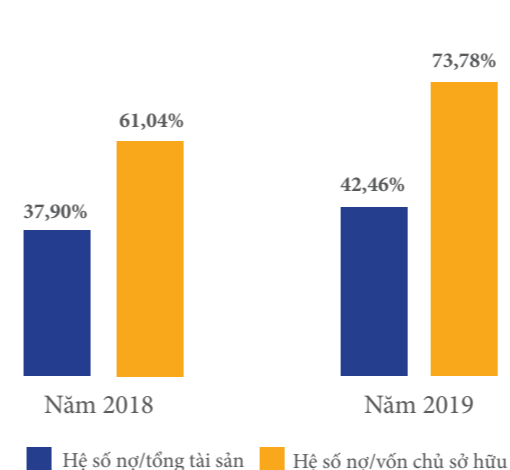
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,05 lần năm 2018 xuống 1,77 lần năm 2019 và khả năng thanh toán nhanh giảm từ 1,51 lần năm 2018 xuống còn 1,23 lần năm 2019. Nguyên nhân là do trong năm Công ty tăng vay nợ ngắn hạn để phục vụ cho công tác đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc, mua sắm máy móc – thiết bị. Ngoài ra do lượng hàng tồn kho nguyên vật liệu tăng nhưng tốc độ tăng ít hơn nợ, nên cả hai chỉ số khả năng thanh toán của Bidiphar sụt giảm so với năm 2018. Tuy nhiên, cả 2 chỉ tiêu vẫn duy trì ở mức lớn hơn 1, cho thấy Công ty vẫn đang đảm bảo được khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng các tài sản ngắn hạn của mình.



02

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

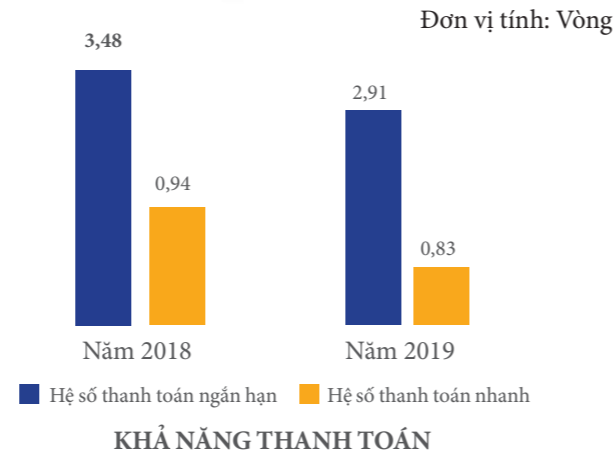


Tỷ trọng nợ trong cơ cấu nguồn vốn năm 2019 tăng mạnh đã làm cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cũng tăng lên, trong đó hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 37,90% năm 2018 lên 42,46% năm 2019 và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 61,04% năm 2018 lên 73,78% năm 2019. Để phục vụ cho việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư một số hạn mục như: Nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư, dây chuyền sản xuất thuốc viên điều trị ung thư, đầu tư máy móc thiết bị tại phân xưởng Tiêm bột Betalactam và nâng cấp phân xưởng Viên – Nonbeta,... một phần từ nguồn vốn đi vay ngắn hạn của các ngân hàng BIDV Bình Định, VCB Bình Định, Vietinbank Bình Định và quỹ đầu tư phát triển Bình Định. Ngoài ra, việc đầu tư đã làm tăng tài sản cố định của Công ty nên tổng tài sản tăng 12,98% nhưng nợ phải trả tăng gần 27%, việc tăng tài sản dài hạn từ nguồn vốn đi vay ngắn hạn có thể sẽ gây áp lực đến dòng tiền của Bidiphar trong thời gian tới.

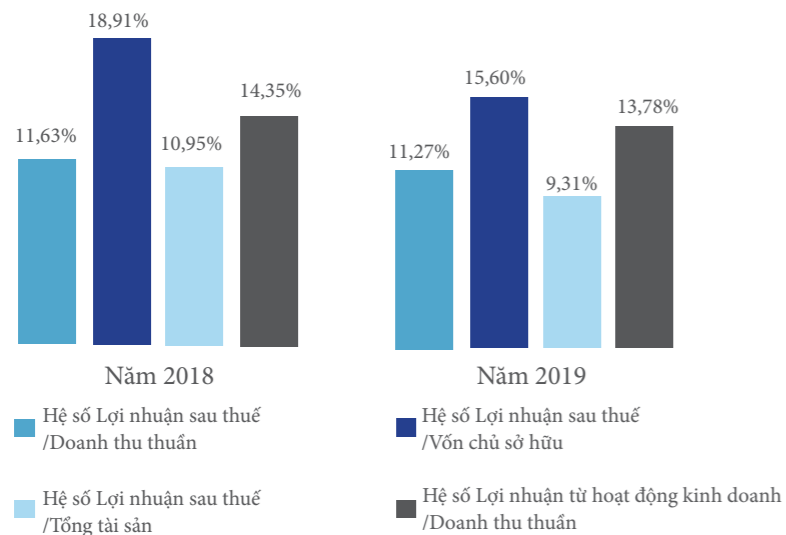
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Khả năng hoạt động trong năm của Bidiphar có sự sụt giảm nhẹ và khó khăn hơn trong năm 2019. Vòng quay hàng tồn kho giảm 3,48 vòng năm 2018 xuống 2,91 vòng năm 2019 và vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,94 vòng năm 2018 xuống 0,83 vòng năm 2019. Nguyên nhân do Công ty dự báo giá nguyên vật liệu sẽ tăng nên có chiến lược mua nhiều nguyên vật liệu làm tăng hàng tồn kho, do đó vòng quay hàng tồn kho giảm. Đồng thời, Bidiphar tăng đầu tư vào nhà máy, dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư làm tăng tổng tài sản nhưng tài sản này chưa đem lại doanh thu trong năm, nên vòng quay tổng tài sản giảm. Tuy nhiên, trong tương lai khi các nhà máy và dây chuyền đã đi vào hoạt động, sẽ tạo nguồn doanh thu lớn cho Công ty, khi đó hiệu quả sử dụng tài sản sẽ tăng lên.



04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Do hoạt động kinh doanh khó khăn hơn cùng kỳ nên hầu hết các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Bidiphar đều sụt giảm tương đối. Năm 2019, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính giảm so với cùng kỳ, đồng thời hoạt động tài chính cũng giảm đáng kể. Kết quả là lợi nhuận sau thuế đạt 142,23 tỷ đồng, giảm tương ứng 12,75% so với cùng kỳ, do đó hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu theo đó giảm từ 18,91% năm 2018 xuống 15,60% năm 2019. Hệ số sinh lời trên tổng tài sản (ROA) cũng giảm từ 10,95% năm 2018 xuống 9,31% năm 2019 một phần do việc tăng đầu tư vào tài sản cố định làm tổng tài sản tăng.

Thông tin cổ phần tại thời điểm 31/12/2019

Vốn điều lệ: 523.790.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 52.379.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 52.379.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 52.378.915 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 85 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông (Người)	Số lượng CP sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông nhà nước	1	6.984.955,00	13,34%
2	Cổ đông trong nước	1785	45.390.345,00	86,66%
-	Tổ chức	1767	42.787.314,00	81,69%
-	Cá nhân	16	2.603.031,00	4,97%
3	Cổ đông nước ngoài	2	3.700,00	0,01%
-	Tổ chức	1	200,00	0,00%
-	Cá nhân	1	3.500,00	0,01%
Tổng cộng		1.789	52.379.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính Công ty

Đánh giá chung về công tác quản lý Công ty

Kế hoạch phát triển tương lai



Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

Bảng hiệu quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH2019/TH2018	TH2019/KH2019
1 Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.434,34	1.620,55	-	112,98%	-
2 Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.401,02	1.261,73	1350,00	90,06%	93,91%
3 Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	201,01	173,82	-	86,47%	-
4 Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,02	0,20	-	1000,00%	-
5 Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	201,03	174,01	170,00	86,56%	102,36%
6 Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	163,00	142,23	-	87,26%	-
7 Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15,00	15,00	15,00	100,00%	100,00%

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh

Năm 2019, hai quý đầu năm doanh thu của Công ty đạt khá thấp so với cùng kỳ năm 2018 (giảm 9% so với cùng kỳ) và rất thấp so với kế hoạch (chỉ đạt 84%). Trước tình hình này, trong 6 tháng cuối năm HĐQT, BTGD đã chỉ đạo thực thi một số giải pháp quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như:

Xây dựng và thay đổi hoàn toàn mô hình quản trị chi phí và tiền lương của các hệ thống phân phối trên cơ sở ban hành Quy chế xếp loại chi nhánh và Quy chế lương cho khối bán hàng bao gồm từ Giám đốc chi nhánh đến trình dược viên.

Sắp xếp lại hệ thống bán hàng tại các chi nhánh:

- Chia thành 3 khối: Khối bán hàng kênh Bệnh viện, khối bán hàng kênh nhà thuốc và khối logistic;
- Bổ nhiệm các chức danh Quản lý kênh OTC/ETC từng chi nhánh và các trưởng nhóm trình dược;
- Kế toán trưởng/phụ trách kế toán của chi nhánh đồng thời chịu trách nhiệm điều hành khối logistic theo quy chế



Chi nhánh chịu trách nhiệm xúc tiến bán hàng, hoạt động logistic tại địa bàn; công ty kiểm soát hoạt động bán hàng, kiểm soát thanh toán chi phí, lương đến trình dược viên thông qua hệ thống ứng dụng quản lý bán hàng DMS, SAP.

Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin hai chiều giữa công ty – thị trường tạo cơ sở phân tích, theo dõi và quyết định kinh doanh cụ thể cho từng gói thầu, từng khu vực, chi nhánh; Bám sát thị trường thường xuyên, kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh khai thác thị trường tốt nhất.

Ban hành một số chính sách khuyến khích khai thác các mặt hàng chủ lực đã trúng thầu, xây dựng và ban hành các chương trình kích cầu cho khối nhà thuốc, thường xuyên tổ chức giao ban giữa các phòng ban công ty với thị trường nhằm truyền tải thông tin và kịp thời điều chỉnh, giải quyết các vướng mắc. Đầu tư hệ thống họp trực tuyến nhằm hỗ trợ công tác đào tạo cũng như tiết giảm chi phí hội họp toàn Công ty. Trong 6 tháng cuối năm, Công ty đã tổ chức 6 cuộc họp, 12 buổi đào tạo truyền thông cho khối các chi nhánh.

Phát triển khách hàng thị trường mới thông qua việc gắn chỉ tiêu KPI trách nhiệm cho Lãnh đạo chi nhánh, trưởng nhóm kênh bán hàng. Giữ vững Câu lạc bộ khách hàng Bidiphar đạt được kết quả khá tốt: Có 1.928 khách hàng đạt danh hiệu năm 2019 tăng trưởng 28%. Doanh số câu lạc bộ khách hàng đạt 324 tỷ, tăng 16% so với năm 2018.



Hoạt động quản trị của Công ty được bổ sung thêm các tính năng mới và bước đầu khai thác khá hiệu quả phần mềm quản lý hoạt động phân phối hàng hóa ra thị trường (phần mềm DMS) như: Đưa thông tin sản phẩm lên thiết bị kỹ thuật hỗ trợ cá nhân (PDA); đưa câu hỏi kiểm tra kiến thức đầu ngày; khảo sát ý kiến khách hàng hàng ngày của từng chi nhánh.

Nhờ triển khai thực hiện khá tốt các giải pháp trên doanh thu mặt hàng Công ty sản xuất trong quý 3, quý 4 đã có sự cải thiện rõ rệt so với hai quý đầu năm và góp phần quan trọng vào kết quả cả năm 2019.

Tổng chi phí mua hàng năm 2019 giảm 14,6 tỷ so với giá bình quân năm 2018. Kết quả này đạt được do bộ phận mua hàng triển khai các giải pháp giảm chi phí mua hàng như:

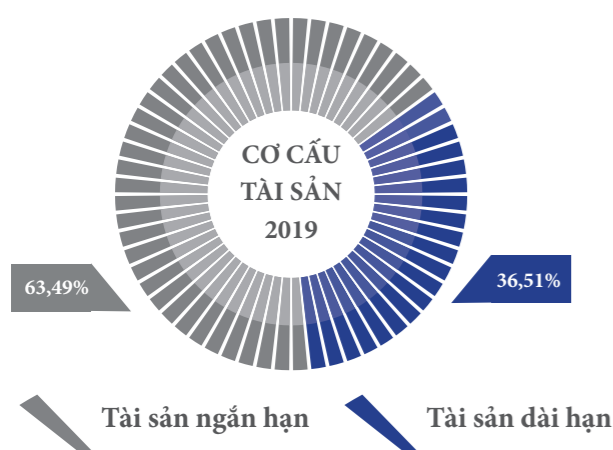
- Thương thảo mua hàng số lượng lớn theo kế hoạch năm và lấy hàng từng đợt để vừa được giá tốt và ổn định nguồn nguyên liệu, vừa hạn chế tồn kho;
- Đánh giá, lựa chọn lại nhà cung cấp, tìm kiếm bổ sung nguồn đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phục vụ đăng ký thuốc với giá cả hợp lý;
- Bám sát thị trường cung ứng NVL, chớp thời cơ thị trường giảm giá một số NVL để mua hàng với giá tốt hơn.



Tình hình tài chính (hợp nhất)

Tình hình tài sản

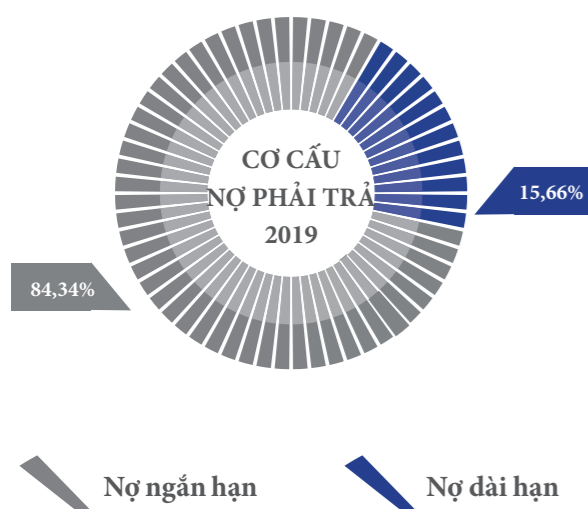
Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.021,24	1.028,81
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	413,10	591,74
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.434,34	1.620,55



Cuối năm 2019, tổng tài sản tăng 186,21 tỷ đồng so với đầu năm 2018 chủ yếu do tăng phần tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn tăng hơn 178 tỷ đồng, trong đó: hơn 124 tỷ đồng Bidiphar đang tập trung đầu tư và phát triển nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo chuẩn GMP – WHO. Tài sản ngắn hạn cũng có xu hướng tăng, hơn 7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018, phần lớn là do tăng khoản tiền và tương đương tiền, khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho từ nguyên vật liệu.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2018	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	497,32	580,31
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	46,37	107,73
Tổng nợ	Tỷ đồng	543,69	688,04



Nợ ngắn hạn của Bidiphar chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ phải trả năm 2018 và 2019, lần lượt là 91,15% và 84,34%. Năm 2019, Công ty đã vay nợ nhiều hơn, tăng gần 83 tỷ đồng nợ ngắn hạn, gần 62 tỷ nợ dài hạn so với cuối năm 2018 từ các ngân hàng để tài trợ cho việc đầu tư nhà máy và mua sắm máy móc thiết bị. Tổng giá trị nợ tăng và Công ty đang có xu hướng vay nợ dài hạn, theo đó ban xây dựng chiến lược hoạt động để đảm bảo công tác nợ vay luôn được đảm bảo khả năng thanh toán và an toàn tài chính cho Công ty.

Đánh giá chung về công tác quản lý Công ty

Tổng sản lượng sản xuất nhập kho: 684 triệu đơn vị sản phẩm, tăng 21% so với năm 2018, đạt 95% kế hoạch năm 2019 (theo kế hoạch điều chỉnh lần 2).

Dây chuyền Tiêm bột Betalactam được trang bị toàn bộ thiết bị mới từ tháng 06/2019, nâng công suất sản xuất lên gấp 3 lần so với thiết bị cũ.

Các phân xưởng Viên-Nonbeta, Đông khô – Sản phẩm vô trùng, Kem Mỡ Nước đã được sửa chữa, nâng cấp trong năm 2019, đáp ứng tái đánh giá GMP đầu năm 2020.

Đã áp dụng 16 sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần hợp lý hóa sản xuất, nâng cao công suất sản xuất và 2 sáng kiến cải tiến góp phần tiết giảm chi phí sản xuất.

Năm 2019, hoạt động nghiên cứu – đăng ký thuốc đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận:

Nghiên cứu mới: Đã nghiên cứu và nộp hồ sơ đăng ký cho 25 sản phẩm thuốc, được công bố 17 sản phẩm thực phẩm chức năng và nộp hồ sơ 06 sản phẩm trang thiết bị y tế.

Nghiên cứu tương đương sinh học:

- 1 sản phẩm đạt tương đương sinh học.
- 4 sản phẩm đạt In vitro:

Đăng ký thuốc:

- Đăng ký mới: Đã được cấp đăng ký 22 sản phẩm, trong đó: 6 sản phẩm đã sản xuất và 2 sản phẩm đã ký hợp đồng cắt lô.

Hoạt động quản lý chất lượng:

Hệ thống quản lý chất lượng luôn được quan tâm nâng cao hiệu lực hiệu quả.

- Triển khai công tác đánh giá nội bộ (GMP) định kỳ 2 lần/năm. Đồng bộ cập nhật các quy định mới của Bộ Y tế trong năm 2019 và triển khai thực hiện theo 10 văn bản mới ban hành liên quan lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm.
- Tổ chức Bureau Veritas Certification đã tiến hành đánh giá giám sát định kỳ, kết quả hệ thống chất lượng tại Công ty phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.
- Công ty đã triển khai áp dụng tiêu chuẩn Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái tại Dự án dược liệu (Bình Định), trong năm – Bộ Y tế cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP-WHO đối với 4 dược liệu (Dây Thìa canh, Đương quy, Chè dây, Cà gai leo).

Công tác kiểm soát thay đổi:

- Hoạch định kiểm soát được xem xét kết hợp nhiều nội dung để tiết kiệm nguồn lực thẩm định, theo dõi độ ổn định, đăng ký thuốc.
- Công tác thẩm định theo qui định GMP được triển khai đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.
- 100% các quá trình liên quan GMP ở tất các bộ phận khối sản xuất đã được từng bộ phận chủ động rà soát, đánh giá rủi ro trong năm 2019.

Hoạt động kiểm tra chất lượng:

Hoạt động kiểm tra chất lượng được cải tiến theo hướng:

- Cập nhật, nâng cấp tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu, sản phẩm đáp ứng thông tư 11/2018/TT-BYT qui định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc;
- Chú trọng lưu giữ dữ liệu thô, ghi chép hồ sơ kiểm nghiệm theo qui định GLP và ISO 17025. Xây dựng TCCL và thẩm định TCCL: 273 sản phẩm.
- Thiết lập chuẩn đối chiếu: 45 mẫu chuẩn
- Hoàn thành đánh giá đối phiên bản ISO/IEC 17025:2017 trong quý 3/2019.
- Trong năm đã tham gia thử nghiệm thành thạo cấp quốc gia về thuốc và thực phẩm chức năng, kết quả cho thấy tay nghề của đội ngũ kỹ thuật viên luôn đạt yêu cầu và nằm trong nhóm tốt nhất.



Hoạt động xúc tiến truyền thông, hỗ trợ thương mại

Tập trung quảng bá nhãn hàng Calonate và Dưỡng can Bidiphar tại Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao (HVNCLC) Đồng Nai (tháng 9) và Cà Mau (tháng 10):

- Thu hút hàng ngàn lượt người tiêu dùng đến tham gia chương trình;
- Doanh thu của 2 sản phẩm Calonate, Dưỡng Can Bidiphar đã có hiệu ứng tăng trong và sau Hội chợ: Đồng Nai doanh thu tăng 6 lần, Cà Mau doanh thu tăng 5 lần so với trước khi có hoạt động, cả nước doanh thu trung bình tháng tăng 24%;

Tổ chức các sự kiện tri ân khách hàng OTC trên toàn quốc với nhiều hình thức như:

- Hội nghị, du lịch, bốc thăm trúng thưởng cho gần 1.000 lượt khách hàng tại nhiều địa điểm (Lý Sơn, Hà Nội, Đà Nẵng,...);
- Thực hiện chăm sóc khách hàng theo chính sách hợp đồng năm 2019: Tặng quà và vật dụng phục vụ cho bán hàng tại nhà thuốc, thăm và tặng quà tri ân khách hàng Vàng – Bạc – Đồng nhân dịp lễ lớn (tết, 30/4 – 1/5, 2/9,...).
- Thường xuyên cập nhật, viết bài truyền thông trên các kênh website và mạng xã hội. Đặc biệt từ tháng 6/2019, phòng Marketing đã phát triển xây dựng thêm kênh truyền thông Fanpage (facebook) của công ty với 10 bài viết, tiếp cận được hơn 33.000 lượt người xem và hơn 5.000 lượt tương tác, tạo thành một kênh truyền thông hiệu quả cho hoạt động quảng bá thương hiệu.

Hoạt động tài chính – kế toán

- Tham gia xây dựng mới các quy chế quản lý kinh doanh theo hướng kiểm soát chi phí chặt chẽ gắn trách nhiệm cá nhân và kịp thời báo cáo đánh giá thực tế thực hiện các khoản mục chi phí phát sinh, hiện tại hệ thống đang mang lại hiệu quả cao góp phần giảm thiểu rủi ro kinh doanh.
- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về kế toán thống kê, tuân thủ các chuẩn mực về chế độ kế toán hiện hành. Thực hiện tốt các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán định kỳ đúng tiến độ, công bố kịp thời trên thị trường chứng khoán.
- Cung cấp kịp thời các số liệu, tài liệu cho công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiểm soát tính tuân thủ trong vận hành hệ thống và hoàn thiện các quy trình quản trị doanh nghiệp.
- Đã phân tích chi phí từng phòng ban, tạo cơ sở cho việc xây dựng dự toán và kiểm soát chi phí từng bộ phận.



Công tác tổ chức – nhân sự


Ban hành mới Quy chế làm việc của Ban điều hành và Bảng mô tả chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nghiệp vụ Công ty. Thay đổi nhân sự chủ chốt của một số chi nhánh.

Bổ nhiệm mới 01 Phó Tổng Giám đốc chuyên trách Sale và 01 Giám đốc kinh doanh. Phân công lại nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc; ban hành Quy chế làm việc của Ban điều hành.

Hoàn thành xây dựng vị trí công việc và Dự thảo Quy chế chi lương theo vị trí công việc của Khối Văn phòng, đồng thời dự kiến áp dụng trong Quý I năm 2020.

Đã triển khai phần mềm quản lý công việc Base Work, hỗ trợ các phòng quản lý tiến độ công việc tốt hơn.

Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu phát triển một số mặt hàng tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.



Từ cuối năm 2019 đến nay, tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Bidiphar nói riêng. Đợt bùng phát COVID-19 đang tấn công triệt để vào xuất khẩu của Trung Quốc và làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Nền kinh tế thứ hai thế giới gần như đứng yên sau khi chính phủ Trung Quốc kéo dài kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và phong tỏa một số thành phố lớn để ngăn chặn dịch bệnh này.

Khảo sát của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân trên 1.200 doanh nghiệp về ảnh hưởng của COVID-19 tới hoạt động kinh doanh cho thấy, nếu COVID-19 kéo dài 6 tháng, 74% doanh nghiệp có thể sẽ phá sản. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu không thể bù đắp các khoản chi cho hoạt động như: trả lương, lãi vay ngân hàng, các chi phí cố định khác,... Ngoài ra, gần 30% Công ty sẽ mất 20-50% doanh thu, 60% doanh nghiệp thậm chí giảm hơn một nửa doanh thu. COVID-19 còn khiến hoạt động sản xuất bị trì trệ, thương mại hạn chế, bán lẻ và dòng vốn đầu tư quốc tế cũng sẽ giảm sút, ngành dược phẩm nói chung và hoạt động của Bidiphar nói riêng hiện tại cũng không nằm ngoài danh sách này.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Bidiphar là sản xuất dược phẩm nhưng trong giai đoạn hiện tại với nguồn cung nguyên vật liệu thiếu hụt, giá cả nguyên vật liệu lại tăng cao, do đó hoạt động sản xuất của Công ty sẽ bị ảnh hưởng lớn.

Nhận rõ được vấn đề này Ban lãnh đạo Bidiphar kịp thời đưa ra những kế hoạch, định hướng như sau:

Kế hoạch phát triển tương lai

Trong năm 2020, Công ty có đầu tư triển khai đầu tư mới hơn 150 tỷ tỷ bao gồm các dự án:

Stt	Tên dự án	Tổng giá trị đầu tư	Giá trị thực hiện 2020
1	Xây dựng nhà làm việc cho các chi nhánh Bidiphar tại Đà Nẵng, Tiền Giang, Quảng Ngãi, Đắk Lắk	20,30	17,80
2	Đầu tư nhà kho và showroom thiết bị y tế (đường Tây Sơn)	4,70	4,70
3	Xây dựng văn phòng cho thuê tại lô đất 34 Ngô Mây, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	30,00	18,00
4	Nhà máy sản xuất thuốc Ung thư Nhơn Hội tại Bình Định	301,70	94,70
5	Đầu tư, nâng cấp tại Nhà máy 498, Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	20,25	20,25
Tổng cộng		376,95	155,45

Kế hoạch các chỉ tiêu năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2020
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.450
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	190
Mức tăng lương trung bình	%	8

Dự án dược liệu

- Tiếp tục nuôi trồng, thu hoạch và chế biến thành dược liệu khô 4 cây đạt thực hành tốt về trồng trọt và thu hái dược liệu (GACP) bao gồm (Dây thìa canh, Cà gai leo, Đương quy, Chè dây).
- Trồng mới thử nghiệm: Bạch truật và Ngưu tất mỗi loại 3.000 m².
- Tiếp tục trồng dưới tán rừng 3 cây: Ba kích tím, Đảng sâm, Hà Thủ Ô đỏ.
- Phát triển dược liệu chè dây.
- Phát triển sản phẩm từ Sim rừng.
- Phát triển sản phẩm từ mật ong rừng.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Sáp nhập 3 Công ty con do Bidiphar sở hữu 100% vốn điều lệ vào Công ty Bidiphar, bao gồm Công ty TNHH Bidiphar Betalactam, Công ty TNHH MTV Bidiphar Non Betalactam và Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao.

Thành lập mới Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bidiphar (BTC), nhằm phân phối các sản phẩm dược phẩm của bên thứ 3, đồng thời sáp nhập hoạt động tất cả các Chi nhánh trong tỉnh vào Công ty BTC nhằm tinh gọn bộ máy và tiết kiệm chi phí hoạt động. Công ty BTC do Bidiphar sở hữu 100% vốn điều lệ.

Đã ban hành mới Quy chế làm việc của Ban điều hành và Bảng mô tả chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nghiệp vụ Công ty.

Hoàn tất hồ sơ Nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 100% và nộp hồ sơ xin phép chấp thuận lên (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) UBCKNN vào giữa tháng 03/2020.

Hoàn thành xây dựng vị trí công việc của Khối Văn phòng và Dự thảo Quy chế chi lương theo vị trí công việc cho Khối Văn phòng, dự kiến áp dụng trong Quý I năm 2020.

Triển khai phần mềm quản lý công việc Base Work, hỗ trợ các phòng quản lý tiến độ công việc tốt hơn.

Nhiệm vụ và giải pháp chính hoàn thành kế hoạch

Hoạt động kinh doanh

Tiến hành phân loại danh mục sản phẩm theo các nhóm bán hàng tại kênh OTC/ETC; sản phẩm chủ lực bán kênh bệnh viện; sản phẩm chủ lực bán kênh nhà thuốc; danh mục sản phẩm có lợi thế cạnh tranh từng kênh bệnh viện hoặc nhà thuốc... Tổ chức và hoàn thiện đội ngũ hỗ trợ phát triển thị trường kênh ETC cho các dòng sản phẩm chuyên biệt nhằm đạt được mục tiêu doanh thu các dòng sản phẩm chủ lực: Thuốc điều trị ung thư, kháng sinh tiêm, dung dịch thẩm phân, ...

Ban Tổng Giám đốc đã đặt mục tiêu doanh thu, hiệu quả cho từng nhóm sản phẩm, từng kênh bán hàng, từng thị trường và phân công (gắn KPI) từ lao động công ty đến các phòng, chi nhánh, lao động cấp trung và nhân viên để đào tạo trình dược viên. Xây dựng các chính sách marketing, chính sách bán hàng phù hợp ... theo hướng tập trung khai thác các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

Triển khai đồng bộ các hoạt động quảng bá 03 dòng sản phẩm chủ lực nhóm thuốc kháng sinh, thuốc điều trị ung thư và nhóm dung dịch thẩm phân trên toàn quốc, trong đó:

- Nhóm kháng sinh dự kiến tập trung quảng bá các thuốc tiêu kháng sinh có lợi thế cạnh tranh tại các khoa – các phòng nhằm giới thiệu các ưu điểm, công nghệ bào chế hiện đại tới khách hàng, nâng cao sự tin tưởng của bác sĩ điều trị.
- Nhóm thuốc điều trị ung thư dự kiến quảng bá, giới thiệu nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư hiện đại đầu tiên trong nước và các sản phẩm thuốc điều trị ung thư mới trong các hội nghị ung bướu lớn trên toàn quốc, nâng cao uy tín công ty, khẳng định chất lượng sản phẩm trong thị trường điều trị.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng SOP, giám sát theo tuyến dọc. Bổ sung chức danh trưởng kênh bệnh viện, kênh nhà thuốc tại Công ty.

Xây dựng các quy trình thao tác chuẩn với kênh bán hàng kênh bệnh viện và triển khai thực hiện:

- Đào tạo và huấn luyện các chi nhánh thuần thực quy trình bán hàng thông qua đấu thầu;
- Ứng dụng hiệu quả vào công tác xây dựng DMĐT để đưa được tối đa các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh vào đấu thầu và sử dụng tại các cơ sở điều trị;
- Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa nhân viên bán hàng với các cấp quản lý...;
- Đặt mục tiêu cho từng công đoạn nhằm theo dõi, quản lý, có biện pháp cải tiến những điểm tắc nghẽn kịp thời.



Mở rộng và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông, marketing để hỗ trợ bán hàng kênh nhà thuốc:

- Triển khai hoạt động quảng bá truyền thông một số sản phẩm dẫn kênh tự do: Hebamac, Dưỡng Can Bidiphar, Bilishark (nhóm 3 sản phẩm mới) dòng Biragan, Phosphagaspain, Bonevit, Eyetamin, Altamin tạo điều kiện thuận lợi cho trình dược viên chào hàng, phát triển thêm khách hàng;
- Xây dựng các chương trình bán hàng (CTBH) hàng Quý, CTBH bổ sung phát triển nhóm hàng chủ lực mục tiêu, CTBH mở khách hàng mới, CTBH phát triển sản phẩm mới... tập trung vào các sản phẩm chủ lực kênh OTC nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận;
- Xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng tự do phong phú, đa dạng. Phối hợp Chi nhánh tổ chức Hội nghị câu lạc bộ khách hàng, vinh danh khách hàng nhằm tăng tính gắn kết và qua đó lồng ghép truyền tải thông điệp về các sản phẩm chủ lực;
- Phát triển khách hàng kênh nhà thuốc, và mở rộng phát triển khách hàng kênh phòng khám;
- Tăng cường công tác đào tạo, cập nhật kiến thức sản phẩm cho trình dược viên để truyền đạt thông điệp sản phẩm đến khách hàng một cách trọn vẹn;
- Tiếp tục lộ trình triển khai các thiết kế nhận diện dòng sản phẩm, thiết kế nhận diện thương hiệu Công ty;
- Tăng cường các hoạt động bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu; Cập nhật mã số mã vạch của từng sản phẩm, thực hiện các biện pháp, dấu hiệu nhận biết riêng biệt để chống hàng giả, hàng nhái trên thị trường.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



Từng bước chuẩn hóa hệ thống báo cáo, giám sát bán hàng nhằm nâng cao chất lượng thông tin và giảm thiểu thời gian báo cáo, sử dụng có hiệu quả hệ thống dữ liệu trên phần mềm hệ thống quản trị SAP, DMS.



Cập nhật và phân tích dữ liệu khách hàng, phân loại khách hàng, xây dựng chế độ thăm viếng khách hàng từ trình dược viên đến cán bộ quản lý kênh và lãnh đạo chi nhánh, lãnh đạo Công ty nhằm tạo mối quan hệ và nắm bắt thông tin thị trường.



Chú trọng đào tạo nâng cao kiến thức sản phẩm và năng lực cho đội ngũ Marketing, trình duyệt viên gắn với nhu cầu thực tế.

Trong năm sẽ tổ chức hoạt động khảo sát thị trường tại ít nhất 3 địa điểm trên cả 2 kênh bệnh viện và nhà thuốc.

Hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng các chương trình bán hàng tại chi nhánh; Hoàn thiện xây dựng các hệ thống bán hàng SOP theo kênh và triển khai thực hiện hiệu quả đến từng trình duyệt viên.



Khai thác bổ sung các tính năng sẵn có phần mềm quản trị bán hàng DMS nhằm nâng cao hiệu quả quản trị kênh phân phối.

Thiết lập lịch đào tạo chi tiết nhằm nâng cao kiến thức sản phẩm và năng lực cho đội ngũ nhân viên quản lý sản phẩm, trình duyệt viên

Hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng các chương trình bán hàng cho quản lý chi nhánh nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt và đảm bảo khả năng phù hợp thị trường tại chỗ.

Cập nhật và phân tích dữ liệu khách hàng, phân loại khách hàng, từng bước chuẩn hóa hệ thống báo cáo, giám sát bán hàng nhằm nâng cao chất lượng thông tin và giảm thiểu thời gian báo cáo.



Nâng cao chất lượng các hoạt động truyền thông :

- Xây dựng kế hoạch danh mục và ngân sách marketing
- Tiếp tục lộ trình triển khai các thiết kế nhận diện dòng sản phẩm, thiết kế nhận diện thương hiệu Công ty;
- Tăng cường các hoạt động bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu;
- Cập nhật mã số mã vạch của từng sản phẩm, thực hiện các biện pháp, dấu hiệu nhận biết riêng biệt để chống hàng giả, hàng nhái trên thị trường.

Quan tâm đào tạo về sản phẩm, hỗ trợ hoạt động truyền thông giới thiệu sản phẩm, có chính sách phát triển 38 sản phẩm mới có số đăng kí 2019 – 2020 (không tính sản phẩm bán nguyên lô) hiệu quả.



Nâng cao hiệu quả xây dựng kế hoạch bán hàng, với mục tiêu phấn đấu:

- Dưới 4 đơn hàng bổ sung/quý;
- Dưới 40% số sản phẩm phải điều chỉnh đặt hàng/quý.

Tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả thông qua việc cải thiện đổi mới hoạt động hệ thống Logistic. Minh bạch hóa các khoản chi phí bán hàng để nâng cao hiệu quả bán hàng.



Đối với hoạt động kinh doanh với trang thiết bị Y tế:

- Thiết lập mới các quy trình quản trị bán hàng, phát triển và đào tạo đội ngũ bán hàng có chuyên môn tốt;
- Tăng cường tác nghiệp và sử dụng hiệu quả các hỗ trợ từ hệ thống các chi nhánh Bidiphar;
- Tập trung xây dựng Danh mục sản phẩm kinh doanh ưu tiên tính hiệu quả, ổn định thông qua việc lựa chọn nhà cung cấp/ đối tác có uy tín;
- Tăng cường tìm kiếm và phát triển sản phẩm nhập khẩu nắm quyền phân phối tại thị trường Việt Nam;
- Triển khai cơ chế khoán lợi nhuận đối với hoạt động kinh doanh với trang thiết bị Y tế trong năm 2020.



Hoạt động công nghệ thông tin

- Duy trì, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại Công ty và Chi nhánh đảm bảo vận hành tốt hệ thống phần mềm hoạch định doanh nghiệp (SAP-ERP) và phần mềm DMS;
- Kiểm soát hệ thống, hướng dẫn người dùng thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ trên hệ thống;
- Kiểm soát lỗi, hỗ trợ và xử lý kịp thời các yêu cầu từ các đơn vị trong quá trình vận hành sử dụng phần mềm SAP-ERP, DMS;
- Triển khai phần mềm SAP-ERP tại nhà máy thuốc điều trị ung thư (khu kinh tế Nhơn Hội)
- Phát huy việc đề xuất và lập trình khai thác các nội dung thiết thực nhằm phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp trên cơ sở nền tảng hệ thống ứng dụng có sẵn.
- Triển khai hóa đơn điện tử, dự kiến đưa vào vận hành ngày 01/03/2020;
- Triển khai hệ thống dự phòng cho hệ thống máy chủ Công ty.
- Hỗ trợ các bộ phận ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, quản lý, xử lý số liệu, dữ liệu...

Công tác nhân sự

- Tập trung đào tạo kiến thức sản phẩm và kỹ năng quản lý cho đội ngũ trình duyệt viên và cán bộ quản lý khối kinh doanh đào tạo về GMP, các quy trình thao tác chuẩn (SOP) cho khối sản xuất.
- Đào tạo đội ngũ kế cận cho các vị trí quan trọng để kiện toàn bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hệ thống các quy trình công việc cho khối kinh doanh và khối văn phòng theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Thành lập bộ phận pháp chế và xây dựng các quy trình nghiệp vụ liên quan.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở 3 khối sản xuất, kinh doanh và khối hỗ trợ.

Khối phân xưởng sản xuất

- Tập trung đào tạo kiến thức sản phẩm và kỹ năng quản lý cho đội ngũ trình dược viên và cán bộ quản lý khối kinh doanh đào tạo về GMP, các quy trình thao tác chuẩn (SOP) cho khối sản xuất.
- Đào tạo đội ngũ kế cận cho các vị trí quan trọng để kiện toàn bộ máy quản lý.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hệ thống các quy trình công việc cho khối kinh doanh và khối văn phòng theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Thành lập bộ phận pháp chế và xây dựng các quy trình nghiệp vụ liên quan.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở 3 khối sản xuất, kinh doanh và khối hỗ trợ.

**Hoạt động mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất**

- Đáp ứng kịp thời nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, nghiên cứu, kiểm nghiệm.
- Bám sát tình hình giá cả thị trường, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất sản lượng dự trữ phù hợp khi giá nguyên vật liệu biến động. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả mua hàng, giảm thiểu rủi ro thị trường nguyên vật liệu tăng giá. Phấn đấu tiết kiệm chi phí mua nguyên vật liệu xấp xỉ giá bình quân 2019.
- Tìm kiếm trên 100 nguồn nguyên vật liệu mới, ưu tiên các hoạt chất thuộc danh mục đầu thầu tập trung, các sản phẩm kém hiệu quả, tìm nguồn tá dược đạt yêu cầu và đủ hồ sơ đáp ứng thông tư 32 của Bộ Y tế.
- Đảm bảo 100% nguyên vật liệu được nhập, xuất đúng quy định và bảo quản hàng hóa đúng quy định GPs.
- Kiểm soát tốt tồn kho nguyên vật liệu:
 - Tồn kho nguyên vật liệu hàng tháng không vượt quá 3 lần xuất kho bình quân mỗi tháng;
 - Giá trị hàng lưu kho trên 3 tháng chiếm không quá 35% tổng giá trị tồn kho.

Hoạt động khối kỹ thuật

- Phát triển sản phẩm mới : 40 sản phẩm / năm
- Cải tiến, nâng cao chất lượng cho 20 sản phẩm cũ;
- Xây dựng kế hoạch thẩm định quy trình sản xuất cho 100% sản phẩm; thẩm định mô phỏng cho các dây chuyền sản xuất đáp ứng yêu cầu GMP-WHO; GMP-EU
- Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đưa ra sản xuất quy mô công nghiệp, phấn đấu có 05 sản phẩm đạt tương đương sinh học năm 2020.
- Xem lại các thông tư hướng dẫn thực hiện để tài dự án để kiểm tra sự phù hợp của toàn bộ hồ sơ lưu;
- Tổ chức nghiệm thu các đề tài, dự án cấp Nhà nước.

Hoạt động kiểm tra, quản lý chất lượng:**Lập kế hoạch rà soát và chuẩn bị đánh giá GMP và GMP thực phẩm chức năng cho các nội dung:**

- Điều kiện đạt chuẩn GMP cho nhà xưởng – nhà kho, hồ sơ, tài liệu, vướng mắc phát sinh.
- Đảm bảo cập nhật 100% các quy định mới của GMP và Bộ Y tế.
- Đảm bảo 100% tài liệu hệ thống chất lượng được soát xét và 100% sản phẩm được rà soát chất lượng đúng kế hoạch.
- 100% nguyên vật liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm được kiểm tra đúng theo chất lượng GMP, thực hành tốt phòng kiểm nghiệm (GLP) và ISO/IEC 17025; thời gian trả lời kết quả kiểm tra chất lượng đúng thời gian thỏa thuận, yêu cầu.
- Thực hiện đề cương thẩm định theo yêu cầu GMP đáp ứng 100% kế hoạch đề ra.
- Xây dựng và thẩm định tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu; thực hiện và cung cấp hồ sơ đáp ứng yêu cầu đăng ký thuốc.
- Tạo chuẩn đối chiếu thứ cấp đáp ứng yêu cầu kiểm tra chất lượng.
- Hoàn thành đánh giá quy định thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) đạt yêu cầu.
- Theo dõi hiệu chuẩn 100% thiết bị đo toàn Công ty theo kế hoạch.
- Tiếp tục nghiên cứu thử nghiệm tương đương độ hòa tan invitro các sản phẩm hợp tác với tập đoàn Kyo-rin Nhật Bản và các sản phẩm của Bidiphar.
- Xem xét, đánh giá nhà cung cấp hóa chất - chất chuẩn, các loại cột.
- Tiết kiệm 10% chi phí hóa chất vật tư kiểm nghiệm/số lượng mẫu so với năm 2019.

Hoạt động tài chính kế toán

- Đảm bảo số liệu, chứng từ kế toán phát sinh theo đúng quy định của pháp luật;
- Quản lý nguồn vốn hiệu quả, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước;
- Thực hiện việc lập kế hoạch ngân sách hoạt động hàng năm, hàng quý và phân tích theo dõi việc thực hiện ngân sách từ các bộ phận. Tính toán và báo cáo kịp thời tháng/quý hiệu quả kinh doanh theo bộ phận, kênh, khu vực, ...
- Phương án chủ động dòng vốn trong sản xuất kinh doanh: Lập kế hoạch dòng tiền và đánh giá hiệu quả theo định kỳ nhằm sử dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn vốn hiện có của Công ty. Báo cáo đầy đủ và đảm bảo việc sử dụng và giải pháp tối ưu dòng tiền.
- Xây dựng quy chế Quản lý chi phí theo chuỗi giá trị hoặc theo đơn vị sử dụng chi phí:
 - Theo chuỗi giá trị từ khâu dự trữ sản xuất, sản xuất, lưu kho, bán hàng, thu tiền, ...
 - Định mức chi phí theo các đơn vị sử dụng : phòng ban khối hành chính quản lý, kỹ thuật và hỗ trợ bán hàng phù hợp theo thực tế sản xuất kinh doanh.

Tăng cường các biện pháp quản lý tài chính, thực hiện kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các chi phí đầu vào nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Tăng cường giám sát các khoản chi phí lưu thông nhằm giảm chi phí bán hàng, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Quản lý rủi ro tài chính: Xây dựng quy chế quản lý công nợ cho khối nhà cung ứng và khối khách hàng mua.

Kiểm soát tuân thủ: Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao tính tuân thủ nội quy, quy chế trong hệ thống phân phối; Hỗ trợ các Chi nhánh nâng cao năng lực quản trị tài chính.

Theo dõi kiểm tra và điều chỉnh kịp thời các quy chế hoạt động hiện tại nhằm đảm bảo tính hiệu quả và khả thi trong quá trình thực hiện, bao gồm các quy chế về tiền lương, theo dõi và đánh giá KPI cho cả hệ thống, quy chế bán hàng, ...

Báo cáo quản trị: Tăng cường giải pháp đẩy mạnh hoạt động mảng kế toán quản trị, phân tích số liệu tài chính kịp thời nhằm đưa ra các nhận xét cụ thể cho từng mảng hoạt động kinh doanh một cách sớm nhất.

Xây dựng và triển khai phương án khoán doanh thu, hiệu quả cho các bộ phận kinh doanh trang thiết bị, bộ phận cơ điện và dự án dược liệu.



Báo cáo của Hội đồng quản trị



Báo cáo và đánh giá
các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động
của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch và định hướng Hội đồng quản trị



Báo cáo và đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm qua, Công ty duy trì hoạt động hiệu quả 12 dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, duy trì tốt hệ thống kho đạt tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) là tiền đề vững chắc về công nghệ và hợp tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng sản phẩm đủ sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Chính vì vậy, sản phẩm của Công ty tiếp tục có mặt tại 63 tỉnh thành với gần 400 loại sản phẩm được Bộ y tế cho phép lưu hành trong cả nước, 70 mặt hàng được xuất khẩu sang các nước trên thế giới như Lào, Campuchia, Ý, Canada, Mông cổ, Nam Phi, Hàn Quốc với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 1.047 nghìn USD.

Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo, đa dạng hoá sản phẩm tại Công ty đạt hiệu quả cao; năm 2019 đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành 22 sản phẩm mới; triển khai nghiên cứu 25 sản phẩm mới; cải tiến nâng cao chất lượng 23 sản phẩm cũ. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác xử lý nước thải, bảo vệ môi trường và đã được các đoàn kiểm tra đánh giá đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn đã ban hành.

Tiếp tục cập nhật hệ thống chất lượng phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015.



Công tác tổ chức bộ máy cũng không ngừng được hoàn thiện phù hợp tình hình hiện nay; đội ngũ cán bộ, công nhân viên tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí quản lý; trình độ chuyên môn của đội ngũ quản lý, công nhân cũng từng bước nâng cao đủ khả năng nắm bắt công nghệ mới, quản lý sản xuất kinh doanh trên quy mô lớn.

Từ thành tích đạt được trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, mở rộng lĩnh vực kinh doanh,... là những thành quả to lớn mà tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty nỗ lực phấn đấu đạt được, đưa Công ty phát triển ngày càng bền vững, tạo nhiều việc làm cho người lao động và nhất là tạo tiền đề vững chắc cho những năm tiếp theo; mặt khác, góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.



Một số vấn đề khắc phục



Doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua: Doanh thu 1.500 tỷ, Lợi nhuận trước thuế 200 tỷ.

Công tác kế hoạch chưa được quan tâm đúng mức; Các số liệu đưa ra chưa phù hợp thị trường cũng như bối cảnh mới;

Đến hết quý 3, Công ty đã đề xuất điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh tương đối sát với kết quả đạt được: Doanh thu 1.350 tỷ; lợi nhuận sau thuế 165 tỷ.



Hoạt động kinh doanh tuy được quan tâm chấn chỉnh về nhiều mặt nhưng vẫn còn nhiều khiếm khuyết, cụ thể:

- Do Công ty chưa quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo nên đội ngũ bán hàng đa phần thiếu kiến thức về sản phẩm, về Công ty nên khả năng tiếp thị chưa đi vào chiều sâu;
- Nhiều cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng còn thiếu kiến thức về quản trị, thiếu kỹ năng tin học nên việc báo cáo, cập nhật thông tin thị trường chưa tốt;
- Việc dự báo thị trường vẫn chưa thực sự sát thực tế dẫn đến tình trạng đặt hàng bổ sung hoặc hủy đơn hàng đã đặt còn nhiều, ảnh hưởng tới việc chuẩn bị nguyên vật liệu cũng như khả năng đáp ứng hàng cho thị trường chưa chủ động;
- Việc ứng dụng phần mềm quản trị kênh phân phối phần mềm DMS mới được triển khai vào Quý 3 năm 2019 nên còn mới mẻ và chưa được khai thác tốt;
- Số lượng khách hàng và doanh thu OTC năm 2019 tăng trưởng thấp;



Hoạt động marketing chưa triển khai tốt các công việc sau:

- Truyền thông, khảo sát thị trường: Chưa đạt hiệu quả;
- Xúc tiến bán hàng sản phẩm mới: Chưa hiệu quả;
- Hoạt động marketing: Nguồn nhân lực để triển khai hạn chế về số lượng và chất lượng.



Các tồn tại khác:

- Việc quản lý công nợ những năm trước chưa chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả 2019; chi phí tài chính còn cao;
- Việc lập dự toán năm, quý, tháng và theo dõi thực hiện dự toán chưa đi vào nề nếp;
- Hệ thống báo cáo, phân tích dữ liệu còn chồng chéo, tốn nhiều nguồn lực, hiệu quả chưa cao;
- Thời gian trả lời kết quả kiểm tra chất lượng ở tất cả các giai đoạn còn chậm trễ so với thời gian thỏa thuận do quá tải mẫu kiểm nghiệm, ảnh hưởng tiến độ giao hàng;
- Việc mua nguyên vật liệu phục vụ nghiên cứu vẫn chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu;
- Giá thành sản xuất khá cao đòi hỏi tất cả các bộ phận phải tiếp tục tìm giải pháp đảm bảo chất lượng sản phẩm với chi phí thấp nhất.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát

- Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: Đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng.

Kết quả hoạt động giám sát

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 vào ngày 20/04/2019.

HĐQT luôn theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát, chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tương đối tốt vai trò nhiệm vụ được phân công, triệt để để cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Công ty.

Vượt qua những khó khăn thách thức, trong năm Bidiphar đã thực hiện hầu hết các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra, trong đó nổi bật các nội dung là tiền đề mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh đó là: Đầu tư nghiên cứu khoa học tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm tối đa chi phí, rà soát xây dựng lại cơ chế, chính sách kinh doanh bám sát nhu cầu của thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính, nâng cao công tác quản trị, cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho việc ra các quyết định quản lý.

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào tình hình dịch bên kinh tế thế giới và Việt Nam

Ảnh hưởng Dịch bệnh COVID-19 khởi phát từ Vũ Hán – Trung Quốc vào tháng 12/2019 và lan nhanh ra toàn thế giới, hiện đã là đại dịch toàn cầu theo công bố của WHO. Dịch bệnh lan rộng dẫn đến cản trở việc đi lại, sản xuất đình trệ, hàng loạt doanh nghiệp đóng cửa, các sự kiện bị hủy bỏ, thị trường chứng khoán lao dốc... dự báo đại dịch COVID-19 sẽ kích hoạt một cú sốc kinh tế hoặc một đợt suy thoái kinh tế toàn cầu. Hơn thế nữa, trong tương lai gần Bidiphar sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh, trong đó:

Tiến độ Dự án đầu tư nhà máy TUT bị kéo dài: Theo Kế hoạch tiến độ xây dựng nhà máy dự kiến ban đầu, thời gian hoàn thành thẩm định nhà máy và đưa vào vận hành sản xuất là tháng 03/2020 đối với dây chuyền thuốc Tiêm và vào tháng 06/2020 đối với dây chuyền thuốc Viên. Tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng lớn đến kế hoạch tiến độ của nhà máy. Tình trạng hiện tại: Dây chuyền thiết bị thuốc Tiêm đã được lắp đặt nhưng chưa kết nối toàn hệ thống và chờ nhân viên từ bên nhà cung cấp sang cài đặt, vận hành. Dây chuyền thuốc Viên đang giai đoạn nghiệm thu FAT tại nhà máy bên cung ứng, nhưng đến nay việc đi FAT tại Trung Quốc chưa thực hiện được. Tiến độ nhà máy chậm so với kế hoạch đã đề ra.

Tổng đầu tư vốn vào dự án khá lớn (280 tỷ đồng), việc chậm tiến độ đưa nhà máy vào hoạt động sản xuất, dẫn đến mất cân đối dòng tiền chịu áp tài chính - các khoản chi phí lãi vay, khấu hao trong khi nhà máy chưa tạo ra dòng doanh thu sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

Nguồn cung nguyên liệu khan hiếm, giá cả tăng nhanh:

Nguyên liệu chính cho sản xuất của Công ty chủ yếu là nhập khẩu (chiếm hơn 80%). Trong đó, Trung Quốc là nhà cung cấp các nguyên vật liệu lớn nhất thế giới cho ngành công nghiệp dược phẩm. Ngoài ra, Trung Quốc cũng là nơi cung cấp nguồn chất bán dẫn trong ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu của các nhà sản xuất tại Ấn Độ, các nước châu Âu. Do vậy, Việc hàng loạt nhà máy tại Trung Quốc không thể hoạt động do dịch bệnh Covid 19 ngoài việc không thể cung cấp nguyên vật liệu cho thị trường thì cũng dẫn tới các nhà máy tại Ấn Độ, các nước châu Âu thiếu nguồn cung đầu vào để sản xuất nguyên liệu.

Tình trạng chậm trễ hoặc không giao hàng, nguyên liệu tăng giá... đang xảy ra. Tình trạng chung việc cung ứng nguyên liệu là đa số các nhà sản xuất đều tạm ngừng báo giá, các hợp đồng đã ký kết trước đó thì lùi lịch giao hàng hoặc chưa có lịch giao hàng vì thiếu hụt nguồn cung.

Cùng với các nhân tố ảnh hưởng khác:

Thị trường nguyên vật liệu biến động về giá, xu hướng giá thị trường khó dự đoán do ảnh hưởng chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc; Một số nguyên liệu mua từ nhà sản xuất ở Châu Âu, nhà sản xuất không hỗ trợ được hồ sơ, giấy tờ nhập khẩu nguyên liệu theo Nghị định 54/2017 của Chính Phủ (về biện pháp thi hành luật dược) và Nghị định 155/2018 của Chính Phủ (về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà Nước) dẫn đến khó khăn trong việc đáp ứng nguyên vật liệu, nguy cơ tăng giá nguyên vật liệu. Trong khi đó kênh bán hàng chính của Công ty vẫn là bệnh viện thông qua cơ chế đấu thầu, giá trúng thầu là rất thấp và cố định, hiệu lực thầu kéo dài, nên rủi ro cao.

Năm 2020 dự báo dòng tiền và thanh khoản sẽ khó khăn hơn, dòng vốn vay tăng cao và áp lực trả lãi vay lớn hơn so 2018:

- Khoản đầu tư nhà máy TUT hơn 250 tỷ đồng khả năng chưa mang lại doanh thu trong năm;
- Chi phí thực hiện tái đánh giá 12 dây chuyền và đánh giá mới 2 dây chuyền sản xuất trong năm, trong đó có 02 dây chuyền mới dự kiến theo tiêu chuẩn GMP EU.

Thực hiện lộ trình nới room, công ty không phân phối hàng cho bên thứ 3 nên làm giảm chủng loại mặt hàng, phạm vi kinh doanh, giảm doanh thu.

Thời gian vận chuyển hàng hóa bị kéo dài

Khoảng 80% thương mại hàng hóa toàn cầu thực hiện qua đường biển. Trong khi đó, Trung Quốc là nơi có 7 trên 10 cảng với lưu lượng tàu ra vào lớn nhất thế giới. Ở thời điểm hiện tại, để hạn chế lây lan của dịch bệnh Covid 19, Trung Quốc đã ra quyết định phong tỏa, cách ly một số thành phố đồng nghĩa với việc tàu biển không thể cập cảng Trung Quốc do đó quá trình bốc dỡ và xếp hàng hóa diễn ra với tiến độ chậm cùng với số lượng lớn tàu vận chuyển và container kẹt ở các cảng Trung Quốc. Một số nước như Australia hay Singapore từ chối tiếp nhận các tàu từng đến Trung Quốc vào cảng, 14 ngày cách ly kiểm tra xét nghiệm âm tính với virus Covid 19 của toàn bộ thủy thủ đoàn làm chậm trễ quá trình trao đổi hàng hóa. Cùng với đó, tại Việt Nam các cảng lớn như Hải Phòng, Hồ Chí Minh cũng thực hiện nghiêm chỉnh các công văn liên quan đến việc khai báo sức khỏe các thuyền viên trước khi xem xét cho tàu cập Cảng giao hàng.

Các hãng tàu như Maersk, MSC Mediterranean Shipping, Hapag-Lloyd và CMA-CGM đã giảm số tàu trên tuyến nối Trung Quốc với Hong Kong với Trung Quốc với các nước Ấn Độ, Canada, Mỹ, Tây Phi. Vì vậy thời gian vận chuyển sẽ kéo dài do tàu cần nối tuyến khác nhau >> thời gian vận chuyển hàng hóa có thể tăng ít nhất 2 tháng đối với hàng hóa nhập từ Mỹ, Châu Âu và tăng ít nhất 1 tháng đối với hàng hóa nhập từ Châu Á. Quá trình thông quan kéo dài do phải thực hiện các công tác kiểm dịch y tế nghiêm ngặt ở cả hai đầu (xuất và nhập). Thời gian vận chuyển kéo dài sẽ gây ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi nguồn nguyên vật liệu không được đảm bảo đầy đủ.

Với những nhận định về thuận lợi và khó khăn trong năm 2020 thì kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Bidiphar như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.450
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.390
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	190
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	15

Năm 2020, mặc dù các văn bản hướng dẫn thi hành luật dược đã ban hành, thể hiện rõ ràng chính sách của Nhà nước, tạo cơ sở để các Doanh nghiệp hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, ngành Dược nói chung và Bidiphar vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức.

Trong năm Công ty áp dụng mô hình quản trị không có Ban Kiểm soát mà có Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và các tiểu ban hỗ trợ công việc của Hội đồng quản trị. Điều đó, đáp ứng được mô hình quản trị tiên tiến mà xã hội và nhà nước khuyến khích phát triển các mô hình này. Mô hình này giúp bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu quả và tiết giảm được chi phí quản lý cho công ty. Trong năm 2020, mô hình này sẽ tiếp tục áp dụng để hoạt động trong Công ty.

Công ty sẽ tái đánh giá 12 dây chuyền sản xuất theo tiêu chuẩn GMP-WHO; đánh giá mới 2 dây chuyền sản xuất thuốc ung thư theo GMP-EU (do Bộ Y tế Việt Nam đánh giá) và 1 dây chuyền nội tiết tố theo GMP-WHO, do vậy khối lượng công việc cho khối sản xuất là rất lớn, chi phí sản xuất sẽ tăng cao.

Thị trường nguyên vật liệu biến động về giá, xu hướng giá thị trường khó dự đoán do ảnh hưởng chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Một số nguyên liệu mua từ nhà sản xuất ở Châu Âu, nhà sản xuất không hỗ trợ được hồ sơ, giấy tờ nhập khẩu nguyên liệu theo Nghị định 54/2017 và Nghị định 155/2018 của Chính Phủ dẫn đến khó khăn trong việc đáp ứng nguyên vật liệu, nguy cơ tăng giá nguyên vật liệu cao. Trong khi đó, kênh bán hàng chính của Công ty vẫn là bệnh viện thông qua cơ chế đấu thầu, giá trúng thầu là rất thấp và cố định, hiệu lực thầu kéo dài, nên rủi ro cao.





*Báo cáo phát
triển bền vững*

THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bidiphar luôn nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sản xuất kinh doanh đối với cộng đồng, xã hội, môi trường vì thế công ty luôn tuân thủ và đặt ra các định hướng phát triển bền vững gắn liền với các hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, là một Công ty ngành dược phẩm, Bidiphar thấu hiểu và chia sẻ khó khăn với mọi người bằng những hoạt động cộng đồng thiết thực trên các địa bàn hoạt động của Công ty.

Khẩu hiệu “chăm sóc sức khỏe – chia sẻ niềm vui” luôn được tuyên truyền đến từng cán bộ công nhân viên, từng bộ phận Công ty. Hoạt động giúp đỡ cộng đồng luôn được duy trì và nâng cao phát triển qua các năm đều có những tác động tích cực đến xã hội, môi trường sống. Hiểu rõ được tầm quan trọng của phát triển bền vững, Bidiphar xây dựng báo cáo dựa trên các định hướng, tiêu chí phát triển xã hội qua các hoạt động cụ thể của Công ty trong đó bao hàm các nội dung chính: Tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo trách nhiệm xã hội và cam kết bảo vệ môi trường.

Nhằm nâng cao hơn nữa uy tín, thương hiệu trên thị trường ngành dược phẩm trong nước và quốc tế. Đồng thời với bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Năm 2019, Bidiphar đã chủ động nhiều hoạt động liên quan đến hoạt động quản trị công ty như là: Đầu tư thiết bị máy móc, phần mềm quản trị doanh nghiệp, xây dựng và phát triển văn hóa trong doanh nghiệp,... để tạo môi trường làm việc an toàn, thuận lợi, để nâng cao hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, các hoạt động phong trào, thực hành tiết kiệm luôn được nêu cao tin tưởng trong công ty.

Bidiphar luôn kết nối hoạt động với công ty thành viên và các chi nhánh như một thể thống nhất nhằm thực hiện chính sách phát triển bền vững một cách nhất quán và toàn diện. Cho dù mỗi công ty có những địa hoạt động khác nhau thì khi hợp nhất ở chung một mái nhà, hoạt động của của từng công ty đều đại diện cho quan điểm và ý chí của cả Bidiphar hướng tới sự phát triển bền vững.

Những thành tựu 2019 của Bidiphar được điểm qua dưới đây có thể là chưa đủ, và cũng có thể là chưa hoàn hảo để nhận được những đánh giá cao nhất, nhưng đó là tâm huyết và nỗ lực của gần 1000 cán bộ, công nhân viên trong Công ty, và chúng tôi sẽ nỗ lực hơn nữa trong thời gian sắp tới để thực hiện được tầm nhìn, sứ mệnh và sự trường tồn.

💰 Tăng trưởng kinh tế bền vững

Hệ thống quản trị doanh nghiệp có vai trò trọng yếu để thúc đẩy tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, duy trì sự bền vững góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông, cân bằng với các vấn đề môi trường, xã hội và lợi ích các bên liên quan khác. Không chỉ quản trị hoạt động sản xuất, kinh doanh, hướng tới tăng trưởng và lợi nhuận, Bidiphar còn nhất quán việc quản trị bài bản cho các vấn đề môi trường xã hội, các vấn đề phi tài chính nhằm thiết lập nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài. Chủ động quản trị chuyên nghiệp các vấn đề môi trường xã hội, Bidiphar đã ban hành và triển khai định hướng phát triển áp dụng ở tất cả các công ty, chi nhánh để đánh giá môi trường xã hội thường xuyên.

Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quán triệt công tác học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Trong năm qua, Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Nội bộ đoàn kết tốt, tạo nên khối thống nhất hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong SXKD; cán bộ, công nhân trong công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ban Tổng giám đốc phối hợp với Công đoàn đã xây dựng thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo Nghị định 149/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong doanh nghiệp đồng thời ban hành quy chế, quy định nội bộ liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động. Thực hiện tốt công tác thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể theo Bộ luật Lao động sửa đổi; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp.

Trong thực thi nhiệm vụ, lãnh đạo luôn tin tưởng, tạo điều kiện để các cán bộ chuyên môn phát huy khả năng của mình trong lĩnh vực công tác được phân công. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống các vị trí công việc gắn với chức năng nhiệm vụ cụ thể. Nhờ vậy, hầu hết CBCNV từ quản lý tới công nhân đều làm việc với tinh thần tự giác trong môi trường làm việc hòa thuận, bình đẳng.

Quán triệt toàn thể cán bộ, công nhân viên về việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, qua đó diễn biến về nhận thức của cán bộ, công nhân viên lao động trong toàn đơn vị được thể hiện tốt trong lao động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí góp phần đem lại hiệu quả cao. Công tác thực hành tiết kiệm được coi trọng hàng đầu trong toàn đơn vị, luật phòng chống tham nhũng được triển khai quán triệt sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công nhân viên. Do đó, trong những năm qua không xảy ra tham ô, mất mát tài sản.

📌 Định hướng phát triển bền vững

Bidiphar xác định rằng Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: Cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

👤 Cam kết bảo vệ môi trường

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tuân thủ các quy định chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường.

🌱 Trách nhiệm với xã hội

Công ty tạo việc làm ổn định cho người lao động;
Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành dược phẩm;
Nâng cao sức khỏe bảo vệ cộng đồng;
Tăng cường quản trị an ninh tại khu vực hoạt động;
Thúc đẩy phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ ngành dược phẩm;
Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tỉ lệ đáp ứng NVL phục vụ sản xuất và nghiên cứu:

- Sản xuất: Đáp ứng 100%
- Kiểm nghiệm (hóa chất, chất chuẩn): 97%
- Nghiên cứu sản phẩm (nguyên vật liệu mới): 83%
- Bidiphar luôn chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Dự án tiết kiệm năng lượng đang được Bidiphar rà soát và triển khai ngay khi có các đề xuất theo báo cáo kiểm toán năng lượng.
- Bidiphar đánh giá việc tiết kiệm năng lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững từ dự án tiết kiệm điện năng lượng.
- Thực hiện tốt chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm, theo các đề xuất của kiểm toán năng lượng, vận động và tuyên truyền nội bộ tuân thủ nghiêm túc các quy định, quy trình về sử dụng năng lượng tiết kiệm là đang góp phần phát triển kinh tế của Công ty cũng như toàn xã hội.

TIÊU THỤ NƯỚC

- Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và đô thị. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước. Ở khu vực nông thôn, tình trạng ô nhiễm nguồn nước cũng không ngừng gia tăng. Để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường, Bidiphar luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước.
- Bidiphar phối hợp với các đơn vị chuyên trách tiến hành kiểm tra đo đạc các chỉ số về nước thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn,... để đảm bảo sự an toàn về môi trường làm việc cũng như xử lý nước xả thải ra môi trường bên ngoài.
- Công ty luôn đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời đối với các sự cố tác động đến môi trường trong những trường hợp cấp bách. Đồng thời, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tuân thủ nghiêm các quy định liên quan đến phát triển bền vững trong toàn hệ thống Bidiphar, đặc biệt là các quy định về bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động.

Công ty hài hòa giữa mục tiêu sản xuất kinh doanh với các mục tiêu bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng công nghệ mới an toàn sức khỏe cho người lao động và góp phần bảo vệ môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động



Ban Tổng Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn đã chăm lo đời sống, đảm bảo việc làm và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Các chế độ như Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm lao động; tiền lương, tiền thưởng thực hiện đầy đủ.

Bằng các nguồn quỹ Công ty cùng với sự vận động cán bộ, công nhân viên đóng góp, Bidiphar đã tổ chức thăm hỏi, động viên, giải quyết, trợ cấp đột xuất cho hàng trăm trường hợp cán bộ, công nhân viên nghỉ chế độ hay gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo...Hàng năm chi hàng trăm triệu đồng tổ chức Vui Trung Thu, Ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và khen thưởng, động viên con em cán bộ, công nhân viên có thành tích trong học tập.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của đơn vị hàng năm được duy trì, phát triển. Thông qua tổ chức các phong trào, đã tạo được không khí phấn khởi, môi trường sinh hoạt lành mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, nâng cao sức khỏe, phòng tránh tệ nạn xã hội đồng thời động viên cán bộ, công nhân viên phấn khởi thi đua lao động sản xuất kinh doanh.

- Ngày Quốc tế Phụ nữ mừng 8 tháng 3, Ban nữ công Bidiphar đã tổ chức buổi tham quan di tích lịch sử, văn hóa tại miền đất võ Tây Sơn – Bình Định nhân kỷ niệm 109 năm ngày Quốc tế Phụ nữ và 1979 năm ngày Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- Nhân kỷ niệm 129 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/05/1890-19/05/2019), sáng ngày 17/05/2019 tại sân bóng đá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã diễn ra Lễ khai mạc Hội thao bóng đá mini “TUỔI TRẺ TRUYỀN THỐNG – BIDIPHAR CUP” Lần thứ XIX – 2019.



Chính sách đào tạo

Trong năm đã tổ chức cho 1.650 lượt người tham gia 48 lớp đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài, với kinh phí trên 400 triệu đồng;

Năm 2019 đặc biệt chú trọng đào tạo cho Khối bán hàng trên cả nước với 17 lớp đào tạo bao gồm kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng, chiến lược bán hàng, quy trình đấu thầu, văn hóa doanh nghiệp...nhằm nâng cao kỹ năng của đội ngũ bán hàng và marketing sản phẩm.



Môi trường làm việc

- Xây dựng chương trình kế hoạch kinh phí và tổ chức triển khai quán triệt đến toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty để biết thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;
- Công ty đã xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban chấp hành (BCH) Công đoàn cơ sở và lãnh đạo Công ty trên cơ sở đó để đề xuất thành lập Hội đồng bảo hiểm lao động (BHLĐ) và công nhận Mạng lưới an toàn vệ sinh viên (ATVSV) trong Công ty; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng;
- Mạng lưới an toàn vệ sinh viên trong Công ty đã hoạt động mang lại hiệu quả tích cực. Quy định rõ chế độ trách nhiệm đối với từng cấp bậc, từng chức danh quản lý và các nội quy, quy trình, biện pháp làm việc an toàn đối với từng loại máy móc, thiết bị, công việc.
- Đặc biệt là thi đua lập thành tích trong phong trào xây dựng môi trường làm việc “Xanh – Sạch – Đẹp”, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động trong toàn Công ty.
- Trong công tác an ninh trật tự, Công ty luôn chú trọng đặc biệt đến công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy (PCCC), bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa (XHCH) trong mọi tình huống. Thường xuyên giáo dục ý thức cảnh giác chống mọi thủ đoạn phá hoại của địch, và bọn trộm cắp.
- Lực lượng làm công tác bảo vệ, PCCC ngày thường cũng như các dịp nghỉ lễ, tết túc trực thường xuyên 24/24h. Phương án tác chiến cùng với lực lượng công an địa bàn xây dựng phương án phối hợp tác chiến khi có sự cố xảy ra nhằm bảo vệ tốt tài sản của công ty.
- Nhờ vậy, từ trước đến nay không xảy ra mất tài sản hoặc mất an toàn trị an. Công ty được tỉnh tặng nhiều bằng khen về công tác PCCC và bằng khen về thành tích trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.

Trách nhiệm vì cộng đồng

Bidiphar tham gia tài trợ và giới thiệu sản phẩm thuốc điều trị ung thư với Hội thảo Quốc gia phòng chống ung thư lần thứ 9 tại Bệnh viện K Hà Nội, bệnh viện Ung Bướu TP.HCM, bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng, bệnh viện Ung Bướu TP. Cần Thơ,... thu hút nhiều bác sĩ, đại biểu các đơn vị ghé thăm gian hàng nhằm tuyên truyền, nâng cao phòng và chữa bệnh ung thư tốt nhất cho cộng đồng. Phối hợp Sở Tài chính Bình Định tổ chức Lễ kết nghĩa và trao 86 suất quà cho đồng bào Thôn 10, Xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Đoàn thanh niên Bidiphar đang nhận đỡ đầu cho cháu Nguyễn Vũ Ngọc Hòa, sinh ngày 24/08/2006, học sinh lớp 7 trường THCS Ngô Mây, hiện tại đang ở nhà trọ tại tổ 6 khu vực 8, phường Ngô Mây, tỉnh Bình Định có mẹ đang mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối. Thời gian nhận đỡ đầu: Từ tháng 01/2019 đến tháng 08/2024. Mức hỗ trợ: 300.000 đ/tháng; ngoài ra trong dịp lễ tết, đơn vị còn tổ chức thăm và tặng quà hỗ trợ gia đình cháu.

Tham gia các hoạt động xã hội khác:

- Ủng hộ Hội bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định;
- Chương trình “Tết sum vầy” do Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức;
- Ủng hộ quỹ “Mái ấm Công đoàn”, “Quý vì người nghèo”;
- Triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.



Hoạt động Đảng bộ



Hoạt động của Đảng bộ:

Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo tốt việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức hàng năm. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức năm 2019 đều tăng đáng kể. Thực hiện tốt các mục tiêu cổ phần hóa, đảm bảo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Thực hiện đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ sâu rộng trong toàn đơn vị. Không để xảy ra đơn thư khiếu nại tố cáo, không có vi phạm pháp luật, không xảy ra tai nạn lao động nào. Năm 2019 Đảng bộ Công ty được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100% đảng viên đạt đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hoạt động của Công đoàn:

Ban Chấp hành Công đoàn thường xuyên chỉ đạo các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức công đoàn và đoàn viên, làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và CNV lao động. Không để xảy ra tình trạng biểu tình, lãng công, đơn thư khiếu kiện.

Trong năm 2019, Công đoàn Công ty được xếp loại Vững mạnh.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên

Hồ Chí Minh

Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp với Đảng ủy cho cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia học tập Nghị quyết của Đảng; phối hợp với các cấp chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên thanh niên nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy, kỷ luật của công ty.

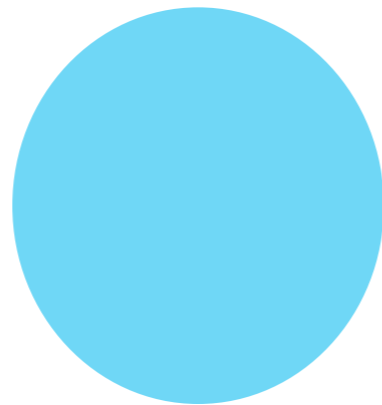
Tham gia tích cực các hoạt động xung kích do Tỉnh đoàn, Đoàn khối phát động như: Tháng thanh niên, thanh niên tình nguyện hè, chương trình hiến máu nhân đạo... đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Trong năm 2019, Đoàn thanh niên Công ty được xếp loại Vững mạnh xuất sắc.





Quản trị Công ty



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm toán nội bộ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/Tổng số buổi họp	Ghi chú
01	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT	15/15	
02	Ông Tạ Nam Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	10/10	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
03	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	15/15	
04	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT	15/15	
05	Ông Hoàng Văn Thắng	Thành viên HĐQT	10/10	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
06	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	15/15	
07	Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	10/10	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019

Thay đổi trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/Tổng số buổi họp	Ghi chú
01	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	5/5	Miễn nhiệm ngày 20/04/2019
02	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT	5/5	Miễn nhiệm ngày 20/04/2019
03	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên độc lập HĐQT	5/5	Miễn nhiệm ngày 20/04/2019

Ông Huỳnh Ngọc Oanh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Ông Nguyễn Thanh Giang - Ủy viên Hội đồng quản trị

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành

Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Quá - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh 02/02/1961

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Kinh tế công nghiệp

Quá trình công tác:

05/1983 - 12/1989 Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình

01/1990 - 05/1995 Phó Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định

06/1995 - 11/2006 Phó Giám đốc Công ty Dược - TTBYT Bình Định

12/2006 - 2008 Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược - TTBYT Bình Định

01/2009 - 2010 Tổng Giám đốc Công ty Dược - TTBYT Bình Định

2010 - 02/2014 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Dược - TTBYT Bình Định

03/2014 - 20/04/2019 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

02/2016 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan

20/04/2019 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 471.095 cổ phiếu tương ứng 0,90% vốn điều lệ

Ông Tạ Nam Bình - Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 29/11/1975

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

1997 - 2007 Công tác tại Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh

2007 - nay Phó Tổng Giám đốc - Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bệnh viện Phụ sản Mê Kông

2012 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tân Sơn - Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn

04/2018 - nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng 47

11/2018 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ

20/04/2019 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu

Ông Hoàng Văn Thắng - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm trưởng ban Kiểm toán nội bộ	
Năm sinh	05/10/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ, Định giá – Môi giới bất động sản; Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	
2001 – 2004	Phụ trách Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty YBS HongKong
2004 – 2007	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Du lịch Tràm Việt
2007 – 2014	Phụ trách Phòng Đầu tư tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á
2014 – 2016	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất giấy Nam Long
2016 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
20/04/2019 – nay	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Ông Nguyễn Văn Thịnh - Ủy viên Hội đồng quản trị	
Năm sinh	01/01/1963
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
12/1987 – 09/2000	Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định
09/2000 – 04/2005	Kế toán trưởng xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
05/2005 – 06/2007	Giám đốc Xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
07/2007 – 11/2009	Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
11/2009 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn
07/2007 – 02/2014	Thành viên HĐQT Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	106.546 cổ phiếu tương ứng 0,20% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Tiến Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị	
Năm sinh	19/06/1972
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành Thuế
Quá trình công tác:	
07/1994	Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Thương mại Hải Đăng
01/2000 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Tín
20/04/2019 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị:	
Tiểu ban kiểm toán nội bộ:	Giám sát báo cáo tài chính quý, bán niên, thường niên và các hoạt động kế toán của Công ty;
Tiểu ban nhân sự và tiền lương:	Tư vấn, đề xuất HĐQT về: Quy chế chi trả lương, thưởng năm 2019; về chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao;
Tiểu ban xây dựng chiến lược và phát triển:	Tối đa hóa năng lực và quản trị doanh nghiệp; quản trị tài chính và chuỗi cung ứng;
Tiểu ban phát triển thị trường:	Đề xuất các phương án phát triển thị trường theo đặc thù riêng từng địa bàn phù hợp với mục tiêu Công ty ở từng thời điểm.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	149/BC-HĐQT	25/01/2019	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2018
2	209/QĐ-HĐQT-DBD	19/02/2019	Quyết định: Thành lập Công ty TNHH MTV TM Bidiphar
3	210/QĐ-HĐQT-DBD	20/02/2019	Quyết định bổ nhiệm Ông Huỳnh Ngọc Oanh - GD Công ty TNHH một thành viên thương mại Bidiphar
4	225/NQ-HĐQT	26/02/2019	Nghị quyết: Thông qua tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018
5	640/NQ-HĐQT	14/03/2019	Nghị quyết: Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại các tổ chức tín dụng đối với Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao tại Nhơn Hội
6	781/NQ- HĐQT-ĐHĐCĐ	20/04/2019	Nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
7	782/QĐ-HĐQT	20/04/2019	Quyết định bổ nhiệm: Bà Phạm Thị Thanh Hương - TGD Bidiphar
8	783/QĐ-HĐQT	20/04/2019	Quyết định: Thành lập ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT công ty
9	934/QĐ-HĐQT	28/05/2019	Quyết định: Thành lập tiểu ban nhân sự và tiền lương trực thuộc hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2014
9	934/QĐ-HĐQT	28/05/2019	Quyết định: Thành lập tiểu ban nhân sự và tiền lương trực thuộc hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2014
10	935/QĐ-HĐQT	28/05/2019	Quyết định: Thành lập tiểu ban phát triển thị trường trực thuộc hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024
11	937/QĐ-HĐQT	28/05/2019	Quyết định: Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
12	1003/QĐ-HĐQT	21/06/2019	Quyết định: Ban hành quy chế hoạt động Ban Kiểm toán nội bộ năm 2019
13	1024/QĐ-HĐQT	28/06/2019	Quyết định: Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2019
14	1061/NQ-HĐQT	09/07/2019	Nghị quyết điều chỉnh loại chứng khoán cho cổ đông
15	1213/QĐ-HĐQT	28/08/2019	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc kinh doanh: Ông Lê Văn Tòa - DSK I
16	1354/QĐ-DBD	30/09/2019	Quyết định bổ nhiệm PTGD: Ông Nguyễn Ngọc Dũng - DSK I
17	1567/NQ-HĐQT	06/11/2019	Nghị quyết chốt danh sách cổ đông thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền
18	1687/NQ- HĐQT	06/12/2019	Nghị quyết điều chỉnh loại chứng khoán cho cổ đông
19	1718/NQ-HĐQT	12/12/2019	Nghị quyết tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Cơ cấu Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ
01	Ông Hoàng Văn Thắng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
02	Ông Nguyễn Quang Việt	Phó ban Kiểm toán nội bộ
03	Ông Vũ Nông Bách	Thành viên Kiểm toán nội bộ
04	Lê Trung Nam	Thành viên Kiểm toán nội bộ
05	Huỳnh Thế Duy	Thành viên Kiểm toán nội bộ

Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

Ông Hoàng Văn Thắng - Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Thông tin như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Việt - Phó Ban kiểm toán nội bộ**Năm sinh** 08/07/1982**Trình độ chuyên môn** Đại học Kế toán – Kiểm toán**Quá trình công tác**

09/2005 – 09/2009 Nhân viên kế toán Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung (Seaprodex Đà Nẵng) - Chi nhánh Hồ Chí Minh

10/2009 – 12/2010 Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1

01/2011 – 06/2013 Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1

07/2013 – 12/2014 Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1

01/2015 – 04/2018 Tổ trưởng Tổ Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

04/2018 – 04/2019 Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

04/2019 – nay Phó ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 50.520 cổ phiếu tương ứng 0,1% vốn điều lệ

Ông Vũ Nông Bách - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ**Năm sinh** 09/08/1986**Trình độ chuyên môn** Thạc sỹ kế toán**Quá trình công tác**

01/2011 - 02/2014 Kế toán viên Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

02/2014 - 12/2014 Kế toán viên Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

01/2015 - 20/04/2019 Nhân viên kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

20/04/2019 - nay Thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 2.000 cổ phiếu tương ứng 0,004% vốn điều lệ**Ông Lê Trung Nam - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ****Năm sinh** 17/12/1974**Trình độ chuyên môn** Thạc sỹ Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh**Quá trình công tác**

05/1994 - 02/2003 Chuyên viên Sở Tài chính Bến Tre

03/2003 - 05/2009 Chuyên viên Sở Công thương Bến Tre

06/2009 - 07/2015 Trưởng phòng Tổng hợp Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) chi nhánh khu vực phía Nam.
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn (SSF)
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần in Nông Nghiệp
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cáp treo Núi bà Tây Ninh (TCT)
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (TTT)08/2015 - nay Phó giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Steel Builder Việt Nam
Phó Ban kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Xây dựng 47
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần nhân lực quốc tế Sovihaco (Bộ Lao động - Thương binh xã hội)

20/04/2019 - nay Thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu**Ông Huỳnh Thế Duy - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ****Năm sinh** 22/07/1985**Trình độ chuyên môn** Thạc sỹ Tài Chính - Ngân hàng**Quá trình công tác**

06/2008 - 12/2014 Nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần dược phẩm Bidiphar 1

01/2015 - 04/2015 Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

04/2015 - 04/2018 Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

04/2018 - 08/2018 Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

08/2018 - 20/04/2019 Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty, Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

20/04/2019 - nay Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty, Thành viên Ban kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 30.000 cổ phiếu tương ứng 0,06% vốn điều lệ**Các cuộc họp trong năm**

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/Tổng số cuộc họp	Tỷ lệ
01	Ông Hoàng Văn Thắng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	3/3	100%
02	Ông Nguyễn Quang Việt	Phó ban Kiểm toán nội bộ	3/3	100%
03	Ông Vũ Nông Bách	Thành viên Kiểm toán nội bộ	3/3	100%
04	Lê Trung Nam	Thành viên Kiểm toán nội bộ	3/3	100%
05	Huỳnh Thế Duy	Thành viên Kiểm toán nội bộ	3/3	100%

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trước khi Ban Điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy: - Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

Kế hoạch công việc định kỳ hàng quý với các bên liên quan đã thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính, giám sát hoạt động của Kiểm toán độc lập, hoàn thiện hệ thống kiểm soát và hiệu quả hoạt động của Kiểm toán nội bộ. Bên cạnh đó, Ban kiểm toán cũng tái soát xét và đánh giá danh mục rủi ro, hoàn thiện cơ chế hoạt động của ủy ban tuân thủ.



Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ đối với dịch vụ kiểm toán độc lập



Kiểm toán nội bộ trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Ban Kiểm toán nội bộ thông qua phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp kiểm toán nội bộ. Chức năng kiểm toán nội bộ đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm toán nội bộ đánh giá đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2018 của công ty kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập

Giám sát đối với Ban kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Ban kiểm toán nội bộ thông qua phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp kiểm toán nội bộ. Chức năng kiểm toán nội bộ đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

Ban kiểm toán nội bộ đã tiến hành đánh giá toàn diện chức năng kiểm toán nội bộ trong năm 2018. Kết quả đánh giá cho thấy kiểm toán nội bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch kiểm toán được giao. Các phát hiện và khuyến nghị của kiểm toán nội bộ đã giúp các đơn vị, khối, phòng ban, nhà máy, trang trại... được kiểm toán không chỉ nâng cao ý thức trách nhiệm tuân thủ quy trình nghiệp vụ mà còn giúp cải tiến quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm toán nội bộ

Trích thù lao HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ: 1% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 1.422.274.172 đồng. Trong năm chưa thực hiện chi.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người giao dịch	Chức vụ/Người liên quan	Bán	Ngày thực hiện	Số lượng cổ phiếu sau giao dịch (cổ phiếu)	Tỷ lệ
Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng GD	9.000	19/12/2019	92.071	0,18
Nguyễn Văn Thanh	Em ruột Nguyễn Văn Thịnh	16.839	27/05/2019	1.000	0,00
Nguyễn Văn Thông	Em Nguyễn Văn Thịnh	11.688	08/11/2019	-	-
Nguyễn Quý Hà	Chồng Phạm Thị Thanh Hương	13.800	04/11/2019	-	-
Nguyễn Hồng Phương	Em Nguyễn Thị Mai Hoa	17.232	10/11/2019	1.000	0,00
Huỳnh Ngọc Ký	Em Huỳnh Ngọc Oanh	13.800	03/11/2019	-	-
Huỳnh Thị Kim Yến	Chị Huỳnh Ngọc Oanh	13.800	04/11/2019	-	-
Nguyễn Thanh Tân	Em trai Nguyễn Thanh Giang	7.470	12/11/2019	3	0,00
Nguyễn Thanh Duy	Anh trai Nguyễn Thanh Giang	8.910	11/11/2019	4.638	0,01
Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	832.813	10/10/2019	-	-
Nguyễn Quỳnh Hoa	Em ruột Nguyễn Thị Hằng Nga	13.180	07/02/2019	20.246	0,04

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



PHẦN VI:
Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Quả	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Tạ Nam Bình	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)

Ban Kiểm soát

Từ ngày 20 tháng 4 năm 2019, Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát từ mô hình Ban kiểm soát sang Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Quang Việt	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Bà Trình Phương Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Hoàng Văn Thắng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Quang Việt	Phó ban (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Vũ Nông Bách	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Lê Trung Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Quả	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2019)
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định**

Đơn vị: VND

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến việc Công ty thay đổi phương pháp trích khấu hao cho một số máy móc, thiết bị được trình bày tại Thuyết minh số 3 và 12 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 26 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1503-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.028.808.238.795	1.021.237.151.785
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	138.162.177.379	92.556.725.446
1. Tiền	111		47.442.332.684	80.556.725.446
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.719.844.695	12.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113.941.393.300	222.701.393.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	113.940.000.000	222.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		445.147.650.526	428.877.865.723
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	407.285.909.827	380.723.402.367
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	58.587.922.036	54.191.458.527
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.991.812.459	6.133.149.256
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(26.717.993.796)	(12.170.144.427)
IV. Hàng tồn kho	140	10	312.967.359.668	269.729.041.858
1. Hàng tồn kho	141		312.967.359.668	269.729.041.858
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.589.657.922	7.372.125.458
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.299.871.006	3.619.453.283
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.894.015.292	3.693.216.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	395.771.624	59.455.449
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		591.744.681.861	413.103.725.401
I. Tài sản cố định	220		236.672.324.415	218.861.572.025
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	180.258.607.296	167.896.839.912
- Nguyên giá	222		502.084.844.128	461.036.723.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(321.826.236.832)	(293.139.883.912)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	56.413.717.119	50.964.732.113
- Nguyên giá	228		63.901.967.950	57.384.211.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.488.250.831)	(6.419.479.587)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		164.761.990.418	25.129.864.154
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	164.761.990.418	25.129.864.154
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		149.784.811.011	143.526.055.600
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	133.276.259.104	127.017.503.693
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	16.508.551.907	16.508.551.907
IV. Tài sản dài hạn khác	260		40.525.556.017	25.586.233.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	40.417.123.277	25.586.233.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		108.432.740	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.620.552.920.656	1.434.340.877.186

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		688.044.599.793	543.686.587.994
I. Nợ ngắn hạn	310		580.312.109.969	497.319.705.472
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	211.395.910.175	204.507.671.941
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	5.153.149.259	14.769.553.615
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	27.984.539.992	9.720.810.004
4. Phải trả người lao động	314		27.415.982.978	14.603.356.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.039.503.424	5.566.662.548
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	85.378.453.861	89.869.602.917
7. Vay ngắn hạn	320	21	176.391.236.931	95.986.460.434
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	39.553.333.349	62.295.587.090
II. Nợ dài hạn	330		107.732.489.824	46.366.882.522
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	65.452.850.000	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	42.279.639.824	46.366.882.522
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		932.508.320.863	890.654.289.192
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	913.639.344.908	868.083.062.849
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		523.790.000.000	523.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		523.790.000.000	523.790.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.921.442.000	20.921.442.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(878.000)	(878.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.035.345.110)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		88.209.457.010	73.986.715.286
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		281.754.669.008	249.385.783.563
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		249.385.783.563	204.070.640.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.368.885.445	45.315.142.744
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	26	18.868.975.955	22.571.226.343
1. Nguồn kinh phí	431		15.323.540.833	17.650.232.586
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		3.545.435.122	4.920.993.757
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.620.552.920.656	1.434.340.877.186



Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 3 năm 2020

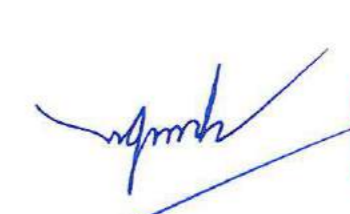
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		1.321.006.229.560	1.474.019.031.146
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		59.277.208.076	72.994.714.895
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	29	1.261.729.021.484	1.401.024.316.251
4. Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	30	846.933.080.364	972.896.278.931
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		414.795.941.120	428.128.037.320
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	13.251.147.259	16.074.493.083
7. Chi phí tài chính	22	33	14.622.931.346	12.200.034.045
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.314.154.786	8.365.839.665
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	24	15	14.439.489.521	10.579.768.740
9. Chi phí bán hàng	25	34	169.937.788.281	174.049.858.919
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	84.108.597.929	67.521.210.099
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		173.817.260.344	201.011.196.080
12. Thu nhập khác	31		346.451.564	231.410.778
13. Chi phí khác	32		150.425.206	216.262.760
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		196.026.358	15.148.018
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		174.013.286.702	201.026.344.098
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	31.894.302.205	38.021.545.804
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(108.432.740)	-
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		142.227.417.237	163.004.798.294
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		142.227.417.237	163.004.798.294
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.444	2.801



Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	174.013.286.702	201.026.344.098
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.945.021.709	36.516.915.462
Các khoản dự phòng	03	14.547.849.369	1.120.705.235
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	69.131.555	(89.566.701)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.371.186.190)	(26.323.732.600)
Chi phí lãi vay	06	10.314.154.786	8.365.839.665
Các khoản điều chỉnh khác	07	(1.501.745.500)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	198.016.512.431	220.616.505.159
Thay đổi các khoản phải thu	09	(58.929.509.742)	(9.071.726.473)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(43.238.317.810)	20.167.714.642
Thay đổi các khoản phải trả	11	(20.184.527.359)	(37.906.551.088)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(14.511.307.378)	7.307.407.743
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.955.266.814)	(5.626.925.493)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.021.545.806)	(57.205.654.511)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.196.746.022	2.933.778.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(42.408.961.749)	(33.353.303.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.036.178.205)	107.861.244.625
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(149.627.895.487)	(44.080.067.955)
2. Tiền thu hồi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	24	108.760.000.000	91.100.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.615.407.875	21.682.975.744
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.252.487.612)	68.702.907.789
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	507.754.681.234	415.811.775.148
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(363.329.411.709)	(517.749.405.791)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(78.531.146.275)	(78.569.595.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.894.123.250	(180.507.226.244)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	45.605.457.433	(3.943.073.830)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.556.725.446	96.499.799.276
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.500)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	138.162.177.379	92.556.725.446

Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100259564 sửa đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 01 năm 2015, sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 vào Công ty. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 24 tháng 4 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán DBD.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.183 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.191).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, hóa dược, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm; Dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng phương pháp thủy liệu pháp, xoa bóp y học
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt
- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao sản phẩm mới trong lĩnh vực dược phẩm
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự
- Trồng cây dược liệu
- Khách sạn
- Nhà hàng
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế; Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ; Khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết và các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	Tỉnh Bình Định	120.000.000.000	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Tỉnh Bình Định	80.000.000.000	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Tỉnh Bình Định	40.000.000.000	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bidiphar	Tỉnh Bình Định	30.000.000.000	100	100	Bán buôn thuốc tân dược, dược liệu, vật tư y tế

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty TNHH MTV Thương Mại Bidiphar đã đi vào hoạt động, Công ty TNHH Bidiphar Công Nghệ Cao đang trong quá trình xây dựng nhà máy, các công ty con còn lại đang trong giai đoạn thuê đất và thiết kế ý tưởng.

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	212.800.000.000	33,58	33,58	Khai thác, chế biến mủ cao su

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại thành phố Hồ Chí Minh	433/26 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng	76 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Cần Thơ	Lô A3-3, A3-4, A3-5, Đường số 9, Khu nhà ở Nam Long (Đô thị mới Nam sông Cần Thơ), Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
4. Chi nhánh Bidiphar Huyện Phù Cát - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 155, Quang Trung, Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.
5. Chi nhánh Bidiphar Huyện Hoài Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 212, Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Sơn, Tỉnh Bình Định.
6. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tuy Phước - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Đường Trần Phú, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tây Sơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 176 Quang Trung, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thành phố Hà Nội	Số 1038, Đường Nguyễn Khoái, Tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Nghệ An	LKH 21 – Khu đô thị Vinaconex 9, Đại lộ Lê Nin, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đắk Lắk	Số 419 Khu Tái định cư, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Tên chi nhánh (Tiếp theo)	Địa chỉ (Tiếp theo)
11. Chi nhánh Bidiphar Thị xã An Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 56 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
12. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Trị	Số 06 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
13. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Ngãi	Số 202, Đường Nguyễn Trãi, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
14. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Khánh Hòa	18 Khu B, Số 2 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
15. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đồng Nai	J37, J38 Đường N4, KDC Liên Kế, KP 1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
16. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thanh Hóa	Số 23/124 Nguyễn Tĩnh, Phường Đông Hương, Tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
17. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Hải Phòng	Lô 19N05 Đường Lê Duẩn, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Tp. Hải Phòng.
18. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Phú Thọ	Khu đô thị Minh Phương, Đường Nguyễn Trãi, Phường Minh Phương, Việt Trì, Phú Thọ.
19. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Tiền Giang	Số 498 Nguyễn Thị Thập, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
20. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Kiên Giang	Số 91 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Một số máy móc thiết bị được áp dụng mức khấu hao nhanh bằng hai lần mức khấu hao đường thẳng như trên, phù hợp với hướng dẫn của các quy định kế toán hiện hành.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, Ban Tổng Giám Đốc đã thay đổi phương pháp trích khấu hao cho một số máy móc, thiết bị từ khấu hao nhanh hệ số 2 sang khấu hao đường thẳng hệ số 1. Ảnh hưởng của việc thay đổi này được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao theo quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 - 8 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản, tiền thuê nhà, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

Chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	709.014.100	561.864.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.733.318.584	79.994.860.996
Các khoản tương đương tiền	90.719.844.695	12.000.000.000
	138.162.177.379	92.556.725.446

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 4,3%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 4,7%/năm đến 5,1%/năm).

Công ty đã sử dụng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 18.719.844.695 đồng để cầm cố cho khoản bảo lãnh thanh toán từ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 5,3%/năm đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,3%/năm đến 6,4%/năm).

Công ty sử dụng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 340.000.000 đồng để cầm cố cho hợp đồng bảo lãnh từ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Như trình bày tại thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã sử dụng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2019/HĐTG với số tiền 65.000.000.000 đồng để cầm cố cho khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	407.285.909.827	380.723.402.367
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	45.131.856.249	48.131.856.249
Khác	362.154.053.578	332.591.546.118
b. Bên liên quan	-	-
	407.285.909.827	380.723.402.367

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	58.587.922.036	54.191.458.527
Công ty TNHH CBF Coffee	21.989.600.256	18.862.400.256
Truiking Technology Limited	-	16.925.149.000
Shandong Sma Pharmatech Co., Ltd.	12.909.300.000	-
Khác	23.689.021.780	18.403.909.271
b. Bên liên quan	-	-
	58.587.922.036	54.191.458.527

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng mua hàng hoá, dịch vụ	1.154.580.266	434.999.892
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	266.642.721	192.609.850
Lãi dự thu	3.326.009.634	4.864.331.840
Các khoản phải thu khác	1.244.579.838	641.207.674
	5.991.812.459	6.133.149.256

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và các năm trước.

	VND
Số dư đầu năm trước	11.049.439.192
Trích lập dự phòng trong năm	1.120.705.235
Số dư đầu năm nay	12.170.144.427
Trích lập dự phòng trong năm	21.921.386.233
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.373.536.864)
Số cuối năm	26.717.993.796

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Giá gốc	53.409.702.225	17.790.039.572
Dự phòng	(26.717.993.796)	(12.170.144.427)
	26.691.708.429	5.619.895.145

Chi tiết nợ phải thu quá hạn theo đối tượng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH CBF Coffee	2.048.372.348	226.368.494	2.048.372.348	377.280.824
F.D PHARMA Co., Ltd. - Cambodia	-	-	7.373.536.864	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	45.895.444.249	23.100.439.725	-	-
Các khách hàng khác	5.465.885.628	3.364.900.210	8.368.130.360	5.242.614.321
	53.409.702.225	26.691.708.429	17.790.039.572	5.619.895.145

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	11.959.245.741	8.235.834.367
Nguyên liệu, vật liệu	136.279.707.943	97.369.685.800
Công cụ, dụng cụ	403.509.113	418.728.686
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.721.922.994	5.710.591.954
Thành phẩm	115.500.639.862	115.397.131.684
Hàng hoá	37.102.334.015	42.597.069.367
	312.967.359.668	269.729.041.858

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	3.299.871.006	3.619.453.283
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.735.355.249	1.853.920.068
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.564.515.757	1.765.533.215
b. Dài hạn	40.417.123.277	25.586.233.622
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.510.812.364	1.420.784.591
Chi phí tiền thuê đất	21.187.343.894	21.181.967.866
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	14.050.949.700	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.668.017.319	2.983.481.165
	43.716.994.283	29.205.686.905

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	151.383.222.305	262.497.055.923	34.318.963.182	12.837.482.414	461.036.723.824
Mua trong năm	970.725.000	13.876.333.959	1.448.149.089	1.254.945.456	17.550.153.504
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.840.478.499	21.947.272.836	1.290.683.692	362.827.401	26.441.262.428
Thanh lý, nhượng bán	(44.431.200)	(2.259.010.791)	(498.871.818)	(140.981.819)	(2.943.295.628)
Số cuối năm	155.149.994.604	296.061.651.927	36.558.924.145	14.314.273.452	502.084.844.128
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	66.453.756.414	197.047.548.001	21.610.122.159	8.028.457.338	293.139.883.912
Khấu hao trong năm	7.679.166.095	17.414.920.559	4.236.222.676	2.299.339.218	31.629.648.548
Thanh lý, nhượng bán	(44.431.200)	(2.259.010.791)	(498.871.818)	(140.981.819)	(2.943.295.628)
Số cuối năm	74.088.491.309	212.203.457.769	25.347.473.017	10.186.814.737	321.826.236.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	84.929.465.891	65.449.507.922	12.708.841.023	4.809.025.076	167.896.839.912
Tại ngày cuối năm	81.061.503.295	83.858.194.158	11.211.451.128	4.127.458.715	180.258.607.296

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 186.863.335.088 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 179.258.345.223 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, Ban Tổng Giám Đốc đã thay đổi phương pháp trích khấu hao cho một số máy móc, thiết bị từ khấu hao nhanh hệ số 2 sang khấu hao đường thẳng hệ số 1. Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng việc thay đổi sẽ phản ánh phù hợp tình hình hoạt động của máy móc, thiết bị. Nếu chi phí khấu hao được ghi nhận như trước đây, chi phí khấu hao sẽ tăng và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ giảm tương ứng với số tiền 7.762.839.237 đồng.

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	45.085.742.650	12.298.469.050	57.384.211.700
Mua trong năm	-	180.000.000	180.000.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	5.675.404.000	1.371.755.500	7.047.159.500
Thanh lý	-	(709.403.250)	(709.403.250)
Số cuối năm	50.761.146.650	13.140.821.300	63.901.967.950
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.561.848.909	4.857.630.678	6.419.479.587
Khấu hao trong năm	228.189.055	1.549.985.439	1.778.174.494
Thanh lý	-	(709.403.250)	(709.403.250)
Số cuối năm	1.790.037.964	5.698.212.867	7.488.250.831
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	43.523.893.741	7.440.838.372	50.964.732.113
Tại ngày cuối năm	48.971.108.686	7.442.608.433	56.413.717.119

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án trồng cây dược liệu	5.595.984.616	3.141.899.430
Phần mềm quản lý phân phối và bán hàng	-	1.371.755.500
Chi phí xây dựng chi nhánh Hải Phòng	2.052.218.182	2.052.218.182
Nhà máy công nghệ cao	31.238.259.125	10.988.260.593
Dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư	77.590.917.198	-
Hệ thống HVAC -BMS	15.703.199.235	-
Khác	32.581.412.062	7.575.730.449
	164.761.990.418	25.129.864.154

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá gốc khoản đầu tư	92.868.048.000	92.868.048.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	55.734.334.214	41.294.844.693
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.035.345.110)	-
Cổ tức được chia	(14.290.778.000)	(7.145.389.000)
	133.276.259.104	127.017.503.693

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	464.793.670.533	523.216.329.279
Tổng công nợ	(67.877.730.234)	(144.939.866.154)
Tài sản thuần	396.915.940.298	378.276.463.126
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết	133.276.259.104	127.017.503.693
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần	43.002.884.379	31.508.078.677
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết trong năm	14.439.489.521	10.579.768.740

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Số đầu năm và cuối năm	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	13,50%	405.000	12.995.016.936	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	1,29%	205.710	1.513.534.971	-
Công ty TNHH Thiên Phúc	10,00%	200.000	2.000.000.000	-
			16.508.551.907	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các công ty nhận đầu tư đều có lợi nhuận nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	211.395.910.175	204.507.671.941
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	30.426.088.417	70.000.728.034
Khác	180.969.821.758	134.506.943.907
b. Bên liên quan	-	-
	211.395.910.175	204.507.671.941

Tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng thanh toán.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	5.153.149.259	14.769.553.615
Công ty Cổ Phần Sundial Pharma	1.482.815.787	2.410.001.226
Ban Quản lý Dự án Kiên Giang	-	4.068.704.000
Ban Quản lý Dự án Đầu Tư Xây Dựng Bình Định	-	4.000.000.000
CBF PHARMA Co., Ltd.	-	1.587.112.125
Khác	3.670.333.472	2.703.736.264
b. Bên liên quan	-	-
	5.153.149.259	14.769.553.615

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	171.623.715	1.329.457.993	1.122.001.734	379.079.974
+ Phải nộp	171.623.715	1.329.457.993	1.025.491.734	475.589.974
+ Phải thu	-	-	96.510.000	(96.510.000)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(45.505.752)	15.571.112.764	15.774.999.861	(249.392.849)
Thuế xuất, nhập khẩu	(6.477.322)	4.015.810.954	4.055.905.929	(46.572.297)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.021.545.806	31.894.302.205	13.021.545.806	26.894.302.205
Thuế thu nhập cá nhân	1.520.168.108	6.846.063.864	7.754.880.637	611.351.335
+ Phải nộp	1.527.640.483	6.841.887.967	7.754.880.637	614.647.813
+ Phải thu	(7.472.375)	4.175.897	-	(3.296.478)
Thuế đất	-	1.478.239.011	1.478.239.011	-
Thuế khác	-	48.000.000	48.000.000	-
	9.661.354.555	61.182.986.791	43.255.572.978	27.588.768.368

Trong đó

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(59.455.449)	(395.771.624)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.720.810.004	27.984.539.992

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	78.705.832.175	78.668.478.450
Kinh phí công đoàn	1.295.001.714	1.423.395.378
Nhận ký quỹ, ký cược	69.000.000	89.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.308.619.972	9.688.729.089
	85.378.453.861	89.869.602.917

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	67.337.105.463	437.698.483.766	340.523.552.507	164.512.036.722		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (i)	31.837.659.200	355.165.902.644	270.402.479.386	116.601.082.458		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (ii)	35.499.446.263	32.239.653.816	35.499.446.263	32.239.653.816		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (iii)	-	50.292.927.306	34.621.626.858	15.671.300.448		
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên (iv)	28.649.354.971	6.035.704.440	22.805.859.202	11.879.200.209		
	95.986.460.434	443.734.188.206	363.329.411.709	176.391.236.931		

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định bao gồm:
- + Khoản vay thấu chi thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 65.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 8 tháng với lãi suất là 6,8%/năm. Công ty đã sử dụng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2019/HĐTĐ với số tiền 65.000.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay.
 - + Khoản vay tín chấp thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 500.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay với lãi suất quy định theo từng giấy đề nghị giải ngân.

- (ii) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 100.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 6 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.
 - (iii) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 35.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là dưới 6 tháng với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.
 - (iv) Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên thể hiện khoản vay tín chấp từ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với thời hạn một năm, áp dụng mức lãi suất là 7,2%/năm.
- Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được hình thành từ việc trích lập lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Ban Điều hành Công ty.

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban điều hành VND	Tổng VND
Số đầu năm	35.364.878.696	23.267.567.806	3.663.140.588	62.295.587.090
Tăng từ lợi nhuận	14.222.741.724	-	1.422.274.172	15.645.015.896
Tăng khác	65.070.003	-	-	65.070.003
Sử dụng quỹ	(33.128.561.285)	(1.683.778.655)	(3.639.999.700)	(38.452.339.640)
Số cuối năm	16.524.129.138	21.583.789.151	1.445.415.060	39.553.333.349

23. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	-	65.452.850.000	-	-	65.452.850.000	
	-	65.452.850.000	-	-	65.452.850.000	

Tại ngày 24 tháng 5 năm 2019, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định với số tiền 96.000.000.000 đồng. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 5 năm 2021 đến ngày 23 tháng 5 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất 7%/năm và được trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay để thế chấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 65.452.850.000 đồng.

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích từ lợi nhuận trước thuế theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2016, để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng theo Quyết định số 01/CTDTTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2009 khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện.

Biến động của Quỹ phát triển và khoa học công nghệ trong năm như sau:

	Quỹ phát triển khoa học công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Tổng VND
Số đầu năm	30.002.080.243	16.364.802.279	46.366.882.522
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(4.087.242.698)	(4.087.242.698)
Số cuối năm	30.002.080.243	12.277.559.581	42.279.639.824

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ (* VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	523.790.000.000	20.921.442.000	(878.000)	57.686.233.807	204.070.640.819	806.467.438.626
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	163.004.798.294	163.004.798.294
Chia cổ tức	-	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	16.300.481.479	(16.300.481.479)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(19.560.577.775)	(19.560.577.775)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(3.260.096.296)	(3.260.096.296)
Số dư đầu năm nay	523.790.000.000	20.921.442.000	(878.000)	73.986.715.286	249.385.783.563	868.083.062.849
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	142.227.417.237	142.227.417.237
Chia cổ tức	-	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	14.222.741.724	(14.222.741.724)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.645.015.896)	(15.645.015.896)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	-	(1.422.274.172)	(1.422.274.172)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.035.345.110)	(1.035.345.110)
Số cuối năm	523.790.000.000	20.921.442.000	(878.000)	88.209.457.010	280.719.323.898	913.639.344.908

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/NQ-ĐHĐCĐ2019 ngày 20 tháng 4 năm 2019 các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 mà Công ty đã tạm trích trong năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tạm trích lập các quỹ và cổ tức từ lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 781/NQ-ĐHĐCĐ2019 ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 14.222.741.724 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế và thưởng Ban điều hành 1% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 15.645.015.896 đồng;
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: 1% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 1.422.274.172 đồng;
- Tạm trích cổ tức 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 78.568.500.000 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 sẽ được các cổ đông của Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Cổ phần:

	Số đầu năm và cuối năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	52.379.000
+ Cổ phần phổ thông	52.378.915
+ Cổ phiếu quỹ	85
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	52.378.915
+ Cổ phần phổ thông	52.378.915
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 4 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 523.790.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số đầu năm và cuối năm		
	Cổ phần	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	6.984.955	13,34	69.849.550.000
Các cổ đông khác	45.394.045	86,66	453.940.450.000
	52.379.000	100	523.790.000.000

26. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định liên quan tới hợp đồng "Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định" số 09/2014/SKH-CN-HĐ/ĐA KHCN ngày 22 tháng 10 năm 2014 giữa Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định và Công ty với tổng kinh phí của hợp đồng là 59.500.000.000 đồng. Hợp đồng này được thực hiện trong vòng 5 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã quyết toán chi phí việc thực hiện đề tài là 37.905.670.482 đồng.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chủ yếu hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh là ngành dược phẩm, vật tư y tế và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	1.698,95	66.330,46
- Euro ("EUR")	88,41	88,62

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng	1.321.006.229.560	1.474.019.031.146
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán dược phẩm	1.188.138.136.185	1.270.844.138.171
Doanh thu bán vật tư y tế	113.748.576.058	189.486.981.285
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	10.808.304.393	12.473.774.207
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	8.311.212.924	1.214.137.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	59.277.208.076	72.994.714.895
Chiết khấu thương mại	47.045.530.786	66.976.915.740
Giảm giá hàng bán	8.012.171.074	312.915.641
Hàng bán bị trả lại	4.219.506.216	5.704.883.514
	1.261.729.021.484	1.401.024.316.251

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán dược phẩm	728.580.825.500	782.320.845.935
Giá vốn bán vật tư y tế	101.631.813.058	179.611.550.403
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	8.980.358.248	10.216.346.006
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	7.740.083.558	747.536.587
	846.933.080.364	972.896.278.931

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	432.116.706.574	353.378.774.078
Chi phí nhân công	144.425.357.144	135.737.101.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.947.538.223	36.516.915.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.619.845.019	94.204.274.049
Chi phí khác bằng tiền	59.755.824.188	64.881.516.069
Dự phòng phải thu khó đòi	21.921.386.233	1.120.705.235
	775.786.657.381	685.839.286.168

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	11.915.986.669	15.033.609.960
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.015.710.000	710.353.900
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	319.432.498	210.119.751
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	89.566.701
Khác	18.092	30.842.771
	13.251.147.259	16.074.493.083

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	10.314.154.786	8.365.839.665
Chiết khấu thanh toán	3.725.752.388	3.327.093.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	513.892.617	507.100.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	69.131.555	-
	14.622.931.346	12.200.034.045

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	81.741.342.156	75.464.333.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.261.000.162	4.973.811.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.446.085.794	42.957.411.731
Chi phí bán hàng khác	44.489.360.169	50.654.301.751
	169.937.788.281	174.049.858.919

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	23.754.054.757	24.549.983.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.420.505.965	12.516.029.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.250.010.263	17.185.795.348
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.762.640.711	12.148.696.772
Dự phòng phải thu khó đòi	21.921.386.233	1.120.705.235
	84.108.597.929	67.521.210.099

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	174.013.286.702	201.026.344.098
Điều chỉnh liên quan đến hợp nhất	7.687.558.098	7.145.389.000
Lỗi trong kỳ của các công ty con	99.256.969	50.256.305
Lợi nhuận trước thuế (số tổng hợp)	181.800.101.769	208.221.989.403
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(8.161.099.000)	(7.855.742.900)
Trừ: Lợi nhuận từ công ty liên kết	(14.439.489.521)	(10.579.768.740)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	271.997.777	321.251.266
Thu nhập tính thuế	159.471.511.025	190.107.729.029
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập tính thuế	31.894.302.205	38.021.545.804

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2018: 20%) trên thu nhập tính thuế.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	142.227.417.237	163.004.798.294
Điều chỉnh		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.222.741.724	16.300.479.829
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông	128.004.675.513	146.704.318.465
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (cổ phiếu)	52.378.915	52.378.915
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.444	2.801

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được ước tính theo mức 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 781/NQ-ĐHĐCĐ2019 ngày 20 tháng 4 năm 2019.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	Cổ đông lớn Công ty có đồng chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

Trong năm, công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định		
Vay dài hạn	65.452.850.000	-
Chi trả cổ tức	10.477.432.500	10.477.432.500

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	6.628.985.724	5.216.954.446

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả		
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	10.477.432.500	10.477.432.500

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ của đại hội cổ đông bất thường ngày 6 tháng 1 năm 2020 đã thông qua việc sáp nhập Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao; Công ty TNHH Bidiphar Betalactam; Công ty TNHH Bidiphar Non-Betalactam thành Chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định.

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 3.326.009.634 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.864.331.840 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 78.705.832.175 đồng là cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 78.668.478.450 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 34.513.141.525 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 9.385.358.900 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Thị Diệu Loan
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 3 năm 2020



Bình Định, ngày 19 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hương